

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẠI LÝ GNV T XẾP DỠ TÂN CẢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 080422/BC-TCL

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Đại lý GNV T Xếp dỡ Tân Cảng
 - Mã chứng khoán: TCL
 - Địa chỉ trụ sở chính: 470 Đồng Văn Cống, P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. HCM
 - Điện thoại: 02837423207
 - Fax: 02837423206
 - Người thực hiện công bố thông tin: Đào Tuấn Anh (SĐT: 0903821334)
Chức vụ: Phó phòng Đầu tư pháp chế - Thư ký công ty
- Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (*): Báo cáo thường niên năm 2021.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 08/4/2022 tại đường dẫn <http://www.tancanglogistics.com>.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./



Đào Tuấn Anh

**Công Ty Cổ Phần Đại Lý
Giao Nhận Vận Tải Xếp Dỡ
Tân Cảng**

Digitally signed by Công Ty Cổ Phần Đại Lý Giao Nhận Vận Tải Xếp Dỡ Tân Cảng
DN: C=VN, S=MST:0304875444, L="470 Đường Đồng Văn Cống, Phường Thạnh Mỹ
Lợi, Thành Phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam", O=Công Ty Cổ Phần
Đại Lý Giao Nhận Vận Tải Xếp Dỡ Tân Cảng, OU="Cổ BH,HQDT", CN=Công Ty Cổ
Phần Đại Lý Giao Nhận Vận Tải Xếp Dỡ Tân Cảng, E=Anhdt@saigonnewport.com.vn
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2022.04.08 15:42:08+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.3

Số: 191/BC-TCL

Thủ Đức, ngày 08 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

- Tên Tiếng Anh: TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0304875444 đăng ký lần đầu ngày 08/03/2007, thay đổi lần thứ 12 ngày 08/3/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Vốn điều lệ: 301,584,360,000 đồng

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 301,584,360,000 đồng

- Địa chỉ: 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

- Số điện thoại: 028.73073979

- Số fax: 028.37423027

- Website: <http://tancanglogistics.com>

- Mã cổ phiếu: TCL

- Logo Công ty:



- Quá trình hình thành và phát triển.

✓ **Năm 2006 (Tiền thân):** Xí nghiệp Đại lý giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng được thành lập theo Quyết định 82/2006/QĐ – BQP.

✓ **Năm 2007:** Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103006182, đăng

ký lần đầu ngày 08/03/2007; tham gia góp vốn thành lập Công ty CP Dịch vụ và Đại lý Tân Cảng số 1 – nay là Công ty CP Vận tải bộ Tân Cảng.

✓ **Năm 2008:** Chính thức triển khai dịch vụ Đại lý Hải quan.

✓ **Năm 2009:** Niêm yết 17.000.000 cổ phiếu với mã chứng khoán TCL, theo quyết định niêm yết số 160/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2009 và thực hiện giao dịch lần đầu vào ngày 24/12/2009; tham gia góp vốn thành lập Công ty CP Vận tải Tân Cảng số 2 – nay là Công ty CP Vận tải Thủy Tân Cảng.

✓ **Năm 2010:** Tăng vốn điều lệ lên 186.999.050.000 đồng thông qua phát hành 1.700.000 cổ phiếu thưởng cho Cổ đông hiện hữu; tham gia góp vốn thành lập Công ty CP Tân Cảng – Bến Thành.

✓ **Năm 2011:** Tăng vốn điều lệ lên 209.438.930.000 đồng thông qua phát hành 6.300.000 cổ phiếu ra công chúng; khai trương bến đóng rút hàng đỗ hàng xá Tân Cảng – Nhơn Trạch tại căn cứ 696 thuộc vùng 2 Hải Quân.

✓ **Năm 2012:** Đầu tư bãi container rộng, nâng cấp bãi container hàng; Đầu tư khai thác thêm 4 băng chuyền và 2 cầu di động; Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của công ty tại Công ty CP Vận tải Tân Cảng số 2.

✓ **Năm 2013:** Tái cơ cấu vốn tại Công ty CP Tân Cảng – 128 Hải Phòng; tham gia góp vốn thành lập Công ty CP Dịch vụ Vận tải Biển Tân Cảng; Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của công ty tại Công ty CP Dịch vụ và Đại lý Tân Cảng số 1.

✓ **Năm 2014:** Bàn giao toàn bộ diện tích đất Depot 9 cho Quân Chủng Hải Quân; Đầu tư 1 tàu vận tải container (Tân Cảng Pioneer) và cho Công ty CP Vận tải Biển Tân Cảng thuê khai thác; Khai trương Depot Tân Cảng Mỹ Thủy, mở rộng diện tích khai thác container rộng.

✓ **Năm 2015:** Tham gia góp vốn thành lập Công ty CP Tiếp vận Tân Cảng – Đồng Nai; Khai trương hoạt động cầu KE 03 – Bến sà lan 125; Khai trương kho bãi Tân Cảng – Nhơn Trạch; Chuyển nhượng tàu Tân Cảng Pioneer cho Công ty CP Vận tải Biển Tân Cảng.

✓ **Năm 2016:** Công bố Quyết định thành lập địa điểm làm thủ tục Hải quan tại Tân Cảng Nhơn Trạch.

✓ **Năm 2017:** Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của công ty tại Công ty CP Vận tải biển Tân Cảng; Công bố Quyết định thành lập Đội nghiệp vụ 2 thuộc chi cục Hải quan Nhơn Trạch hoạt động tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch.

✓ **Năm 2018:** Đưa tòa nhà Văn phòng 12 tầng (TCL Building) trên đường Đồng Văn Cống – Quận 2 đi vào hoạt động; đầu tư xây thêm 5.000 m² kho tại ICD TCNT, nâng tổng diện tích kho tại ICD TCNT lên 8.000 m², ICD TCNT từng bước tiếp nhận hàng dịch vụ của SNPL tại thị trường Nhơn Trạch.

✓ **Năm 2019:** Tăng vốn điều lệ lên 301.584.360.000 đồng thông qua phát hành 9.214.543 cổ phiếu thưởng cho Cổ đông hiện hữu; Tái cơ cấu Công ty CP Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai bằng cách tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 45 tỷ đồng (trong đó TCL góp thêm 17,44 tỷ đồng, tăng tỷ lệ vốn góp của TCL từ 20% lên 51%); khai trương dịch vụ đóng rút hàng lạnh tại Depot TCMT.

✓ **Năm 2020:** Tháng 01/2020 – Depot TC Mỹ Thủy 2 hoạt động; mở rộng và nâng diện tích Depot Tân Cảng Mỹ Thủy từ 11ha lên 12.6ha, khu IMDG từ 3.4ha lên 5.2ha.

✓ **Năm 2021:** Khai trương dịch vụ khai thác container lạnh của hãng tàu SITC tại ICD TCNT; Triển khai khu giao nhận tập trung hàng hóa chất IMDG tại Cảng Tân Cảng Cát Lái.

- Thành tựu năm 2021:

✓ Đón nhận Nhận Huân Chương Lao Động Hạng 3 do Chủ tịch Nước trao tặng;

✓ Nhận Bằng khen tập thể Lao động tiên tiến do Quân chủng Hải quân trao tặng;

✓ Top 5 Doanh nghiệp niêm yết quản trị công ty tốt nhất năm 2021 - Nhóm vốn hoá nhỏ (Cuộc Bình chọn Doanh nghiệp Niêm yết do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cùng Báo Đầu tư Chứng khoán với sự tài trợ của Dragon Capital phối hợp tổ chức);

✓ Top 3 Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR được nhà đầu tư yêu thích nhất - IR Awards 2021; Top 3 DN niêm yết có hoạt động IR được định chế tài chính đánh giá cao nhất - IR Awards 2021 (IR AWARDS là Chương trình Bình chọn Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR tốt nhất do Vietstock, Hiệp hội VAFE và Tạp chí FiLi đồng tổ chức).

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

➤ Xếp dỡ Container

- Máy móc thiết bị chuyên dụng hiện đại.
- Sản lượng trung bình khoảng 200.000 Teus/tháng.
- Địa bàn: Tân Cảng Cát Lái, ICD Tân Cảng – Nhơn Trạch...

➤ Khai thác cảng/ICD

- ICD Tân Cảng Nhơn Trạch (Tỉnh Đồng Nai)

Diện tích khai thác: 145.000 m²

Chiều dài cầu tàu: 320 m

- Cảng Tân Cảng 128 Hải Phòng (Hải Phòng)

Diện tích khai thác: 200.000 m².

Chiều dài cầu tàu: 450 m

➤ **Dịch vụ vận chuyển đa phương thức**

- Vận chuyển bằng xe đầu kéo và sà lan.

Địa bàn: TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai và các tỉnh lân cận.

➤ **Dịch vụ đóng rút**

- Bến đóng rút 125 Cát Lái.

Diện tích khai thác: 15.000 m².

Năng suất đóng rút: 350 cont/ngày đêm.

- Bến đóng gạo Tân Cảng – Nhơn Trạch.

Diện tích khai thác: 12.000 m².

Năng suất đóng/rút: 150 cont/ngày đêm.

- Đóng rút container hàng lạnh tại depot Tân Cảng Mỹ Thủy.

Diện tích khai thác: 5.000 m².

Năng suất đóng/rút: 100 cont/ngày đêm.

Địa bàn: Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh.

➤ **Kinh doanh khai thác Depot**

Tổng diện tích khai thác bãi trên 300.000 m².

Dung lượng thiết kế khoảng 30.000 Teus.

Địa bàn: Cảng Tân Cảng Cát Lái và khu vực lân cận TP. Hồ Chí Minh.

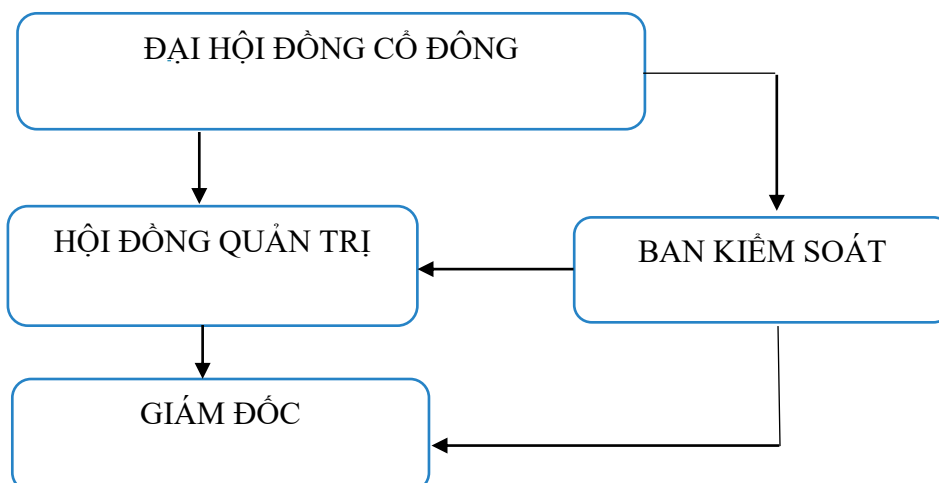
➤ **Dịch vụ cho thuê văn phòng**

Địa điểm: Tòa nhà TCL, 470 Đồng Văn Cống P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP.HCM.

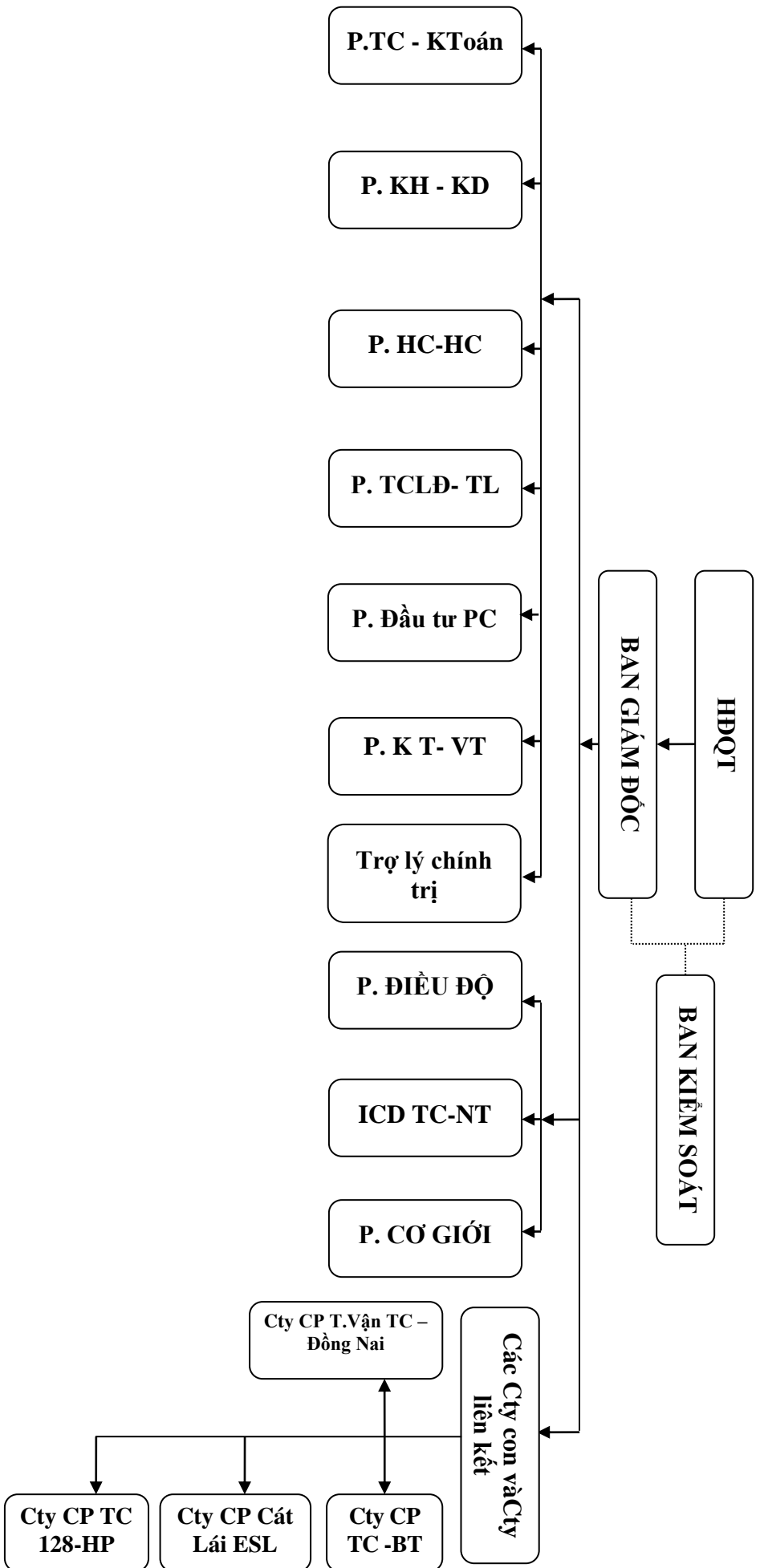
Tổng diện tích sàn: 9.500 m² (11 tầng) và diện tích dịch vụ văn phòng 5.900m².

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Theo Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp.



- Cơ cấu bộ máy quản lý.



- Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con

Công ty CP Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai

- Địa chỉ: Ấp 3, Xã Phú Thạnh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: (028) 3897 6794 Fax: (028) 3897 6794
- ĐKDN số: 3603266982 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 05/03/2015.
- Vốn điều lệ: 45 tỷ đồng (tính đến 31/12/2021).
- Tỷ lệ TCL nắm giữ: 51% (tính đến 31/12/2021).
- Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải, Dịch vụ giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu, Đại lý vận tải đường biển, Dịch vụ logistics và khai thuê hải quan, Dịch vụ môi giới hàng hải, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải....
- Doanh thu, thu nhập thuần 2021: 93.14 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế đạt: 0.03 tỷ đồng, EPS: 6.37 đồng/cp.

Công ty liên kết

Công ty CP Tân Cảng – Bến Thành

- Địa chỉ: 1295B, Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP.HCM.
- Điện thoại: (028) 6682 2566 Fax: (028) 3742 5341
- ĐKDN số: 0310151577 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 12/07/2010.
- Vốn điều lệ: 150 tỷ đồng (tính đến 31/12/2021).
- Tỷ lệ TCL nắm giữ: 36% (tính đến 31/12/2021).
- Ngành nghề kinh doanh: Bốc xếp hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Lưu giữ hàng hóa.
- Doanh thu, thu nhập thuần 2021: 450.49 tỷ đồng,
- Lợi nhuận sau thuế đạt: 43.06 tỷ đồng, EPS: 2,623 đồng/cp.

Công ty Cổ Phần Cát Lái - Đông Sài Gòn

- Địa chỉ: 938/180 Nguyễn Thị Định, KP3, P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 0838976794 Fax: 0838976794
- ĐKDN số: 0314745980 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 20/11/2017.
- Vốn điều lệ: 50 tỷ đồng (tính đến 31/12/2021).
- Tỷ lệ TCL nắm giữ: 20% (tính đến 31/12/2021).
- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác cảng, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- Doanh thu, thu nhập thuần 2021: 162.22 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế đạt: 2.89 tỷ đồng, EPS: 705.30 đồng/cp.

Công ty CP Tân Cảng 128 - Hải Phòng

- Địa chỉ: Hạ Đoạn, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng.
- Điện thoại: 022253769686 Fax: 0313269686
- ĐKDN số: 0201183522 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp ngày 24/06/2011.
- Vốn điều lệ: 92 tỷ đồng (tính đến 31/12/2021).
- Tỷ lệ TCL nắm giữ: 36% (tính đến 31/12/2021).
- Ngành nghề kinh doanh: Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- Doanh thu, thu nhập thuần 2021: 199.87 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế đạt: 1.98 tỷ đồng, EPS: 214.94 đồng/cp.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

Tiếp tục phát huy tối đa lợi thế và duy trì hoạt động hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh của Công ty; Tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ; tối ưu hóa hiệu quả hoạt động ICD Tân Cảng Nhơn Trạch, Depot TC Mỹ Thủy, các dịch vụ mới... để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đạt hiệu quả.

Tìm kiếm các quỹ đất để tiếp tục mở rộng hoạt động khai thác Depot/ICD.

Duy trì tăng trưởng bình quân tối thiểu 5% mỗi năm; xây dựng Công ty trở thành một đơn vị vững mạnh, phát triển bền vững, có uy tín thương hiệu tại thị trường trong nước và khu vực.

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các dịch vụ tại ICD TCNT, đặc biệt là dịch vụ khai thác kho trần, hợp tác đầu tư xây dựng kho đồng thời cung cấp dịch vụ logistics trọn gói, dịch vụ giá trị gia tăng như: quản lý kho, kiểm đếm, đóng gói, san chiết, dán nhãn mác... và các dịch vụ khác theo nhu cầu của khách hàng cho hệ thống kho và khu hàng lạnh tại ICD TC Nhơn Trạch. Tích cực tìm kiếm, kết nối khách hàng để khai thác hiệu quả hạ tầng cơ sở và phương tiện đang hoạt động tại ICD. Từng bước triển khai thu hút hàng từ Cái Mép về ICD TCNT khi TP HCM chính thức thu phí hạ tầng cảng biển từ ngày 01/4/2022.

Ứng dụng Công nghệ thông tin trong điều hành, quản lý doanh nghiệp; tập trung công tác tuyển dụng và đào tạo nhân sự chất lượng cao để sẵn sàng cho các dự án mới của công ty.

Nâng cao năng lực quản lý, công tác tài chính minh bạch, hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế tại công ty, đảm bảo sử dụng nguồn vốn hiệu quả.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Tập trung phát triển vào các ngành nghề thuộc năng lực cốt lõi, mũi nhọn và có thế mạnh của công ty như khai thác cảng, kho bãi và các dịch vụ phụ trợ cho hoạt động khai thác cảng. Các dự án đầu tư phải có thời gian thuê, hợp tác dài hạn, đảm bảo tính hiệu quả và phát triển bền vững.

+ Các dự án trọng điểm:

✓ Dự án đầu tư khai thác Depot container KV lân cận Cát Lái từ 15ha đến 20ha.

✓ Dự án bãi container khu đất 8,8 ha tại Cát Lái.

✓ Dự án xây dựng khai thác kho hàng tại ICD TC Nhơn Trạch (kho số 4,5,6).

✓ Dự án hợp tác đầu tư, khai thác ICD diện tích khoảng 20ha KV phía Nam.

- Các mục tiêu phát triển bền vững

• Mục tiêu đối với môi trường

Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, Đảng ủy, Ban Giám đốc công ty thường xuyên chỉ đạo Đoàn thanh niên phát động các phong trào vệ sinh các khu vực do công ty quản lý nhằm tạo ra môi trường xanh, sạch, đẹp.

Công tác phòng cháy chữa cháy được chú trọng và đảm bảo được huấn luyện, diễn tập thường xuyên theo định kỳ và theo chuyên đề, nhằm bảo vệ an toàn cho hàng hóa lẫn con người.

Công ty tiếp tục chính sách xây dựng đội ngũ nhân sự ổn định về số lượng, tốt về chất lượng, thường xuyên tổ chức huấn luyện chuyên môn, đào tạo và đào tạo lại cho phù hợp với thực tiễn sản xuất; Phân công công việc đúng với năng lực, trình độ mỗi người; thường xuyên rà soát lao động hiện có nhằm điều chỉnh, phân bổ, sử dụng hợp lý.

• Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng

Cùng với việc mở rộng sản xuất kinh doanh như mở rộng thêm bãi container, đầu tư vào các dự án, liên doanh, liên kết công ty đã tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội, Công ty luôn duy trì các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, xóa đói giảm nghèo, xây nhà tình nghĩa, nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái của CBCNV với xã hội và cộng đồng, đồng thời giữ vững và phát huy truyền thống tốt đẹp của công ty.

5. Các rủi ro:

Trong hoạt động kinh doanh, các yếu tố rủi ro luôn tồn tại, có thể gây ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển của công ty. Chính vì vậy, công ty đã xác định danh sách các rủi ro trọng yếu và thường xuyên cập nhật, bổ sung thêm danh sách các rủi ro của đơn vị để có biện pháp quản lý rủi ro hiệu quả.

| Các rủi ro | Biện pháp quản lý rủi ro |
|----------------|---|
| Mất khách hàng | - Giữ mối quan hệ tốt và liên lạc thường xuyên với khách hàng/Hãng tàu để kịp thời cập nhật những thay đổi, nhu cầu của khách hàng; - Xem xét mặt bằng giá cả thị trường để có mức điều chỉnh tăng/giảm giá phù hợp trong từng giai đoạn; - Liên tục cải tiến quy trình và đưa ra giải pháp dịch vụ đáp ứng tốt |

| | |
|---|--|
| | <p>nhất nhu cầu của khách hàng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích đánh giá nguyên nhân mất khách hàng (nếu có) để rút kinh nghiệm trong việc giữ chân các khách hàng hiện hữu và khách hàng tiềm năng. |
| Những thay đổi về quy định, chính sách từ cơ quan quản lý Nhà nước. | <ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật, phổ biến kịp thời quy định, chính sách của các cơ quan quản lý Nhà nước; - Cử cán bộ, CNV tham dự các khóa huấn luyện, cập nhật, phổ biến kiến thức về Luật, các Hiệp định, ... nhằm hiểu và thực hiện đúng, linh hoạt quy định, chính sách, chủ động cân đối, điều chỉnh chính sách của đơn vị. |
| Về môi trường (thiên tai, lũ lụt, cháy nổ, dịch bệnh) | <ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật kịp thời các thay đổi về môi trường, khí hậu, thời tiết để lập phương án ứng phó; - Kiểm tra định kỳ các thiết bị an toàn, PCCC, hệ thống điện, nước ...; việc tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn lao động; - Tuân thủ nghiêm mọi quy định về Phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường; thường xuyên phối hợp với các cơ quan, ban ngành xây dựng kế hoạch Phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường đồng thời tổ chức diễn tập định kỳ các tình huống giả định; - Dịch bệnh Covid-19 đã tác động đến tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên dịch bệnh cũng đem đến những cơ hội cho Việt Nam để trở thành một trong những điểm đến trong xu hướng tái phân bổ chuỗi cung ứng toàn cầu và nhóm ngành logistics sẽ được hưởng lợi, nếu biết nắm bắt cơ hội và có chiến lược phù hợp để tồn tại và phát triển. TCL đã xây dựng nhiều kịch bản để kịp thời ứng phó với các cấp độ dịch, đảm bảo duy trì hoạt động SXKD của công ty được thông suốt trong mọi tình huống, đáp ứng tốt chất lượng dịch vụ cho khách hàng. - Ký hợp đồng các sản phẩm bảo hiểm phù hợp. |
| Thay đổi tỷ giá, lãi suất. | <ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật thường xuyên và kịp thời chính sách, quy định mới; - Lập phương án dự phòng về thay đổi tỷ giá ngoại tệ, lãi suất; - Cử nhân sự tham gia các khóa đào tạo về chính sách, nghiệp vụ. |
| Thu hồi công nợ, đảm bảo dòng tiền | <ul style="list-style-type: none"> - Nhanh chóng hoàn thành hồ sơ bộ chứng từ thanh toán nhằm đẩy nhanh tiến độ lập hóa đơn thu tiền khách hàng; - Theo dõi, cập nhật, giám sát tình hình công nợ của khách hàng và các khoản chi trả theo quy định; - Quy định chặt chẽ, cụ thể với nhà cung cấp về thời hạn thanh toán sau khi nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán; Lập kế hoạch thu, chi phù hợp để luôn chủ động dòng tiền. |

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trước tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19 đối với kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Ban lãnh đạo Công ty nhận thức rõ những thách thức

sẽ phải đổi mặt, nên đã chủ động, sáng tạo, lên các kịch bản ứng phó với tình hình dịch bệnh nhằm thích ứng với tình hình mới.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021: Tổng doanh thu, thu nhập thuần đạt 1,176,035.28 triệu đồng, bằng 100% so với kế hoạch năm và bằng 107% so với cùng kỳ; Lợi nhuận trước thuế đạt 137,943.82 triệu đồng bằng 103% so với kế hoạch năm và bằng 110% so với cùng kỳ; Lợi nhuận sau thuế đạt 111,493.78 triệu đồng, bằng 102% so với kế hoạch năm và bằng 108% so với cùng kỳ. EPS đạt 3,029 đồng/CP, đạt 102% so với kế hoạch năm và bằng 113% so với cùng kỳ.

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch 2021 | Thực hiện 2021 | % so với KH năm | % so với cùng kỳ |
|-----|--------------------------------|---------------|----------------|-----------------|------------------|
| 1 | Tổng doanh thu, thu nhập thuần | 1,176,226.45 | 1,176,035.28 | 100% | 107% |
| 2 | Tổng lợi nhuận trước thuế | 133,301.63 | 137,943.82 | 103% | 110% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 109,488.43 | 111,493.78 | 102% | 108% |
| 4 | EPS (đồng/CP) | 2,963.38 | 3,029.00 | 102% | 113% |

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

Tính đến ngày 31/12/2021

| STT | Thành viên | Chức vụ | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|-----------------|----------------|--------------------|--------------|
| 1 | Lê Văn Cường | Giám đốc | 4 | 0% |
| 2 | Phạm Văn Hùng | Phó Giám đốc | 2 | 0% |
| 3 | Đặng Thanh Sơn | Phó Giám đốc | 0 | 0% |
| 4 | Châu Thanh Hải | Phó Giám đốc | 0 | 0% |
| 5 | Nguyễn Văn Hòa | Phó Giám đốc | 0 | 0% |
| 6 | Phạm Thị Thu Hà | Kế toán trưởng | 0 | 0% |

- Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Ban điều hành:

Ông Lê Văn Cường

Ngày sinh 16/11/1978
 Quốc tịch Việt Nam
 Trình độ chuyên môn Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

| | |
|---|--|
| Thời gian | Chức vụ |
| 6/2003 - 3/2007 | Nhân viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn |
| 4/2007 - 12/2008 | Nhân viên Công ty CP Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng |
| 1/2009 - 8/2009 | Trưởng ban Marketing đối ngoại Công ty CP Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng |
| 9/2009 - 12/2009 | Trưởng phòng Forwarder đối ngoại Công ty CP Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng. |
| 1/2010- 3/2015 | Giám đốc Công ty CP Tân Cảng Bến Thành |
| 3/2015-02/2020 | Giám đốc Công ty CP Tân Cảng Bến Thành; Phó Giám đốc Công ty CP Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng. |
| 02/2020 – đến nay | Giám đốc Công ty CP Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng. |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết | - Giám đốc - Thành viên HĐQT |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | - Thành viên HĐQT Công ty CP Tân Cảng Bến Thành. - Thành viên HĐQT Công ty CP Tân Cảng 128 Hải Phòng - Thành viên HĐQT Công ty CP Cát Lái Đông Sài Gòn |
| Số cổ phần nắm giữ tại công ty (31/12/2021) | 3.015.940 cổ phần, chiếm 10 % vốn điều lệ. + Đại diện sở hữu: 3.015.936 cổ phần, chiếm 10 % vốn điều lệ. + Cá nhân sở hữu: 4 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ. |
| Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: | Không |

Ông Phạm Văn Hùng

Ngày sinh 30/11/1965
Quốc tịch Việt Nam
Trình độ chuyên môn Kỹ sư cơ khí

| | |
|---------------------------------------|--|
| Thời gian | : Chức vụ |
| 9/1984 - 9/1989 | Học viện Kỹ thuật quân sự. |
| 9/1989 - 3/1994 | Trợ lý Kỹ thuật Lữ 146, Vùng 4 Hải quân. |
| 3/1994 - 8/1998 | Trợ lý Kỹ thuật Quân cảng Sài Gòn. |
| 8/1998 - 9/2011 | Trưởng phòng Vật tư Quân cảng Sài Gòn. |
| 9/2011 - 01/2019 | Trưởng phòng Kỹ thuật Vật tư Quân cảng Sài Gòn. |
| 1/2019 – nay | Phó giám đốc Cty CP Đại lý GNVT Xếp Dỡ Tân Cảng. |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết | Phó Giám đốc. |

| | |
|--|--|
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Không. |
| Số cổ phần nắm giữ tại công ty (31/12/2021) | 02 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ + Đại diện sở hữu: Không + Cá nhân sở hữu: 02 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ. |
| Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết | Không. |

Ông Đặng Thanh Sơn

Ngày sinh 11/11/1981
Quốc tịch Việt Nam
Trình độ chuyên môn Thạc sỹ Kinh doanh thương mại

| Thời gian | Chức vụ |
|--|---|
| 11/2010 - 7/2012 | Trưởng phòng marketing Cảng Quốc tế TC-CM |
| 7/2012 - 7/2016 | Giám đốc kinh doanh cảng Quốc Tế TC-CM |
| 7/2016 - 2/2017 | Phó giám đốc marketing Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. |
| 2/2017 - 7/2017 | Phó giám đốc trung tâm dịch vụ logistics Tân Cảng |
| 7/2017 – nay | Phó giám đốc Công ty CP Đại lý GNVN Xếp Dỡ Tân Cảng. |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết | Phó Giám đốc |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Chủ tịch HĐQT Công ty CP tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai |
| Số cổ phần nắm giữ tại công ty (31/12/2021) | Không |
| Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết | Không |

Ông Châu Thanh Hải

Ngày sinh 02/01/1979
Quốc tịch Việt Nam
Trình độ chuyên môn Thạc sỹ QTKD

| Thời gian | : Chức vụ |
|-------------------|--|
| 04/2004 - 04/2006 | Nhân viên Trung tâm điều độ, Công ty Tân Cảng Sài Gòn |
| 04/2006 - 06/2006 | Đội phó đội cơ giới 2 Xí nghiệp Cơ giới xếp dỡ Tân Cảng, Công ty Tân Cảng Sài Gòn. |

| | |
|--|--|
| 06/2006 - 03/2008 | Đội phó Đội cơ giới xếp dỡ vận tải bộ, Xí nghiệp đại lý GNVТ XD Tân Cảng, Công ty Tân Cảng Sài Gòn. |
| 03/2008 - 06/2010 | Phó phòng Phòng Logistics, Công ty CP Đại lý GNVТ Xếp dỡ Tân Cảng. |
| 06/2010 - 12/2010 | Phó phòng Phòng Logistics Đối ngoại, Công ty CP Đại lý GNVТ Xếp dỡ Tân Cảng |
| 01/2011 - 03/2011 | Phó giám đốc Trung tâm Logistic, Công ty CP Đại lý GNVТ Xếp dỡ Tân Cảng |
| 03/2011 - 12/2013 | Giám đốc Trung tâm Logistics, Công ty CP Đại lý GNVТ Xếp dỡ Tân Cảng |
| 12/2013 - 05/2014 | Phó phòng dịch vụ khách hàng Trung tâm dịch vụ Logistics Tân Cảng, TCT Tân Cảng Sài Gòn. |
| 05/2014 - 02/2015 | Trưởng phòng dịch vụ khách hàng Trung tâm dịch vụ Logistics Tân Cảng, TCT Tân Cảng Sài Gòn. |
| 02/2015 - 02/2021 | Giám đốc Công ty cổ phần tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai |
| 02/2021- nay | Giám đốc Công ty cổ phần tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai; Phó giám đốc Công ty CP Đại lý GNVТ Xếp dỡ Tân Cảng. |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết | Phó Giám đốc |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai |
| Số cổ phần nắm giữ tại công ty (31/12/2021) | 01 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ + Cá nhân sở hữu: 01 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ |
| Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết | - Mỗi quan hệ: Anh trai, Tên cá nhân/tổ chức: Châu Hải Thương nắm giữ: 815 CP, chiếm 0.002% vốn điều lệ - Mỗi quan hệ: Chị dâu, Tên cá nhân/tổ chức: Trần Thị Quyên nắm giữ: 407 CP, chiếm 0.001% vốn điều lệ |

Ông Nguyễn Văn Hòa

Ngày sinh 25/9/1984

Quốc tịch Việt Nam

Trình độ chuyên môn Đại học Đảm bảo an toàn hàng hải

| Thời gian | Chức vụ |
|-------------------|---|
| 07/2008 – 06/2013 | Nhân viên Giám sát công trình, Phòng Quản lý công trình, Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn |
| 07/2013 – 01/2019 | Trưởng ban Giám sát công trình, Phòng Quản lý công trình, Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn |
| 02/2019 – 12/2019 | Phó Giám đốc, Công ty CP Xây dựng Tân Cảng Số Một. |
| 01/2020 – 10/2021 | Giám đốc, Công ty CP Xây dựng Tân Cảng Số Một. |
| 11/2021 – đến nay | Phó Giám đốc Công ty CP Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng |

| | |
|--|---------------|
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết | Phó Giám đốc. |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Không. |
| Số cổ phần nắm giữ tại công ty (31/12/2021) | Không |
| Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết | Không. |

- Những thay đổi trong ban điều hành:

Tính đến ngày 31/12/2021

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|----|----------------|--------------|---------------|-----------------|
| 1 | Châu Thanh Hải | Phó Giám đốc | 08/02/2021 | |
| 2 | Nguyễn Văn Hòa | Phó Giám đốc | 30/11/2021 | |

- Số lượng cán bộ, nhân viên.

Tính đến ngày 31/12/2021

| TT | Tính chất phân loại | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
|------------|---|------------------|----------------|
| I | Theo trình độ lao động | 304 | 100,00% |
| 1 | Trình độ trên đại học | 23 | 7,6% |
| 2 | Trình độ đại học | 157 | 51,6% |
| 3 | Trình độ cao đẳng | 24 | 7,9% |
| 4 | Khác | 100 | 32,9% |
| II | Theo loại hợp đồng lao động | 304 | 100,00% |
| 1 | Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên chức phòng | 23 | 7,6% |
| 2 | Hợp đồng không xác định thời hạn | 225 | 74% |
| 3 | Hợp đồng xác định thời hạn | 56 | 18,4% |
| III | Theo giới tính | 304 | 100,00% |
| 1 | Nam | 219 | 72% |
| 2 | Nữ | 85 | 28% |

• Tính đến cuối năm 2021, tổng lao động của Công ty là 304 người. Mức lương bình quân năm 2021 của CBCNV là 21.877 triệu đồng/người đạt 104,67%

kế hoạch. Thu nhập bình quân năm 2021 của CBCNV là 25.381 triệu đồng/người đạt 101,53% kế hoạch.

Chính sách đối với người lao động:

Thời gian làm việc:

- Công ty tổ chức làm việc 40 giờ/1 tuần. Chế độ làm việc theo ca áp dụng đối với bộ phận lao động trực tiếp (khối sản xuất). Chế độ làm việc theo giờ hành chính áp dụng đối với bộ phận lao động gián tiếp (khối cơ quan văn phòng).

Qui định thời gian làm việc:

- Lao động làm theo giờ hành chính: Sáng từ 7h30' đến 11h30'; Chiều từ 13h00' đến 17h00'.

- Đối với lao động trực tiếp sản xuất: Chỉ huy các đầu mối căn cứ vào tình hình thực tế của bộ phận để quy định thời gian đi ca, nghỉ giữa ca.

- Thời gian nghỉ giữa ca:

- Ca 1: 11h30 đến 12h30

- Ca 2: 18h30 đến 19h00

- Ca 3: 23h00 đến 0h30

- Thời gian nghỉ giữa ca được tính vào thời gian làm việc đối với người lao động làm việc liên tục 8h gồm:

- 30 phút nếu làm việc ca 01, ca 02

- 45 phút nếu làm việc ca 03.

Nghỉ lễ:

- Tết dương lịch: 01 ngày (ngày 01 tháng 01 dương lịch)

- Tết âm lịch: 05 ngày (hai ngày cuối năm, 03 ngày đầu năm)

- Ngày giỗ Tổ Hùng Vương: 01 ngày (ngày mùng 10 tháng 03 âm lịch)

- Ngày Chiến thắng: 01 ngày (ngày 30/4 dương lịch)

- Ngày Quốc tế lao động: 01 (ngày mùng 01 tháng 05 dương lịch)

- Ngày Quốc khánh: 02 ngày (ngày 02/09 và trước hoặc sau ngày 02/09).

Nghỉ thai sản: Cán bộ công nhân viên Công ty được nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 06 tháng theo Bộ luật lao động và hưởng 06 tháng lương căn cứ đóng Bảo hiểm xã hội do Bảo hiểm xã hội chi trả theo quy định, còn được hưởng thêm khoản trợ cấp nuôi con 02 triệu đồng/tháng (căn cứ thời gian nghỉ thực tế nhưng không vượt quá quy định của Bộ luật lao động).

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Có chính sách hỗ trợ người lao động bị nhiễm Covid 19 để đảm bảo thu nhập và việc làm cho người lao động, chủ động tìm kiếm nguồn vacxin để tiêm cho 100% người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

Năm 2021 công ty đã đầu tư xây dựng cơ bản: 1,044.86 triệu đồng, chỉ đạt 1,38% kế hoạch năm. Nguyên nhân là do ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid – 19, việc cho thuê kho gặp khó khăn, nên công ty chưa triển khai xây kho theo kế hoạch và chưa nâng cấp Depot Tân Cảng Mỹ Thủy.

Công ty đã hoàn thành thoái vốn tại Công ty CP ICD Tân cảng Cái Mép và Cty CP Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

| Công ty con, công ty liên kết | Giá trị đầu tư (đồng) | Tỷ lệ nắm giữ | Tăng giảm trong năm |
|--------------------------------------|------------------------------|----------------------|----------------------------|
| CTCP Tân Cảng Bến Thành | 54.000.000.000 | 36% | 0 |
| CTCP Tân Cảng 128 - Hải Phòng | 33.120.000.000 | 36% | 0 |
| CTCP Tiếp Vận Tân Cảng Đồng Nai | 45.000.000.000 | 51% | 0 |
| Cty CP Cát Lái - Đông Sài Gòn | 10.000.000.000 | 20% | 0 |
| Tổng cộng | 142.120.000.000 | | 0 |

Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành:

Doanh thu, thu nhập thuần 2021: 450.49 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt: 43.06 tỷ đồng, EPS: 2,623 đồng/cp.

Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng

Doanh thu, thu nhập thuần 2021: 199.87 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt: 1.98 tỷ đồng, EPS: 214.94 đồng/cp.

Công ty Cổ phần Tiếp Vận Tân Cảng Đồng Nai

Doanh thu, thu nhập thuần 2021: 93.14 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt: 0.03 tỷ đồng, EPS: 6.37 đồng/cp.

Công ty CP Cát Lái - Đông Sài Gòn Doanh thu, thu nhập thuần 2021: 162.22 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt: 2.89 tỷ đồng, EPS: 705.30 đồng/cp.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Tổng doanh thu thuần hợp nhất năm 2021 đạt 1,185,725.67 triệu đồng tăng 9% so với năm 2020; Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2021 đạt 140,388.52 triệu đồng tăng 15% so với năm 2020; Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2021 đạt 113,470.51 triệu đồng tăng 13% so với năm 2020; EPS năm 2021 đạt 3,094 đồng/CP tăng 15% so với năm 2020.

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu hợp nhất | Năm 2020 | Năm 2021 | % tăng giảm |
|------------------------------------|-----------------|-----------------|--------------------|
| Tổng giá trị tài sản: | 949,000.75 | 887,247.80 | 93% |
| Doanh thu thuần: | 1,089,791.66 | 1,185,725.67 | 109% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh: | 122,011.36 | 140,586.86 | 115% |
| Lợi nhuận khác: | 307.80 | (198.34) | -64% |
| Lợi nhuận trước thuế: | 122,319.16 | 140,388.52 | 115% |
| Lợi nhuận sau thuế: | 100,478.65 | 113,470.51 | 113% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức: | 2,684.00 | 3,094.00 | 115% |

Số liệu báo cáo công ty mẹ: Tổng doanh thu thuần năm 2021 đạt 1,153,230.88 triệu đồng tăng 8% so với năm 2020; Lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 137,943.82 triệu đồng tăng 10% so với năm 2020; Lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 111,493.78 triệu đồng tăng 8% so với năm 2020.

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu công ty mẹ | Năm 2020 | Năm 2021 | % tăng giảm |
|------------------------------------|-----------------|-----------------|--------------------|
| Tổng giá trị tài sản: | 895,766.47 | 839,909.30 | 94% |
| Doanh thu thuần: | 1,064,644.30 | 1,153,230.88 | 108% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh: | 124,278.09 | 138,129.61 | 111% |
| Lợi nhuận khác: | 618.37 | (185.79) | -30% |
| Lợi nhuận trước thuế: | 124,896.46 | 137,943.82 | 110% |
| Lợi nhuận sau thuế: | 103,689.00 | 111,493.78 | 108% |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Số liệu báo cáo hợp nhất:

| Chỉ tiêu hợp nhất | Đơn vị tính | Năm 2020 | Năm 2021 |
|---|--------------------|-----------------|-----------------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | Lần | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | | 1.62 | 1.57 |
| + Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn | | 1.60 | 1.54 |

| | | | |
|---|-----|--------|--------|
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | Lần | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | | 0.33 | 0.35 |
| + Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu | | 0.49 | 0.53 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân | | 134.23 | 155.58 |
| + Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân | | 1.08 | 1.29 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | Lần | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | | 0.09 | 0.10 |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu | | 0.16 | 0.20 |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | | 0.11 | 0.13 |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | | 0.11 | 0.12 |

Số liệu báo cáo công ty mẹ:

| Chỉ tiêu công ty mẹ | Đơn vị tính | Năm 2020 | Năm 2021 |
|---|-------------|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | Lần | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | | 1.60 | 1.49 |
| + Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn | | 1.57 | 1.46 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | Lần | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | | 0.34 | 0.37 |
| + Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu | | 0.52 | 0.58 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | Lần | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân | | 208.14 | 152.35 |
| + Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân | | 1.12 | 1.33 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | Lần | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | | 0.10 | 0.10 |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu | | 0.18 | 0.21 |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | | 0.12 | 0.13 |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | | 0.12 | 0.12 |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

Tính đến 31/12/2021

| STT | Nội dung | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------|------------|-------------------|
| 1 | Số cổ phần đang lưu hành | 30.158.436 | cổ phần phổ thông |
| a | Số cổ phần chuyển nhượng tự do | 30.158.436 | |
| b | Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng | 0 | |

b) Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách chốt ngày 16/7/2021

| STT | Loại cổ đông | Số lượng cổ đông | Số cổ phiếu | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%) |
|------------------|---------------------------|------------------|-------------------|----------------------|----------------------|
| I | Cổ đông trong nước | 4.269 | 28.984.553 | 289,845.53 | 96,10% |
| 1 | Cổ đông nhà nước | 01 | 15.381.273 | 153,812.73 | 51,00% |
| 2 | Cổ đông tổ chức | 40 | 843.252 | 8,432.52 | 2,80% |
| 3 | Cổ đông cá nhân | 4228 | 12.760.028 | 127,600.28 | 42,30% |
| II | Cổ đông nước ngoài | 98 | 1.173.883 | 11,738.83 | 3,88% |
| 1 | Cá nhân | 81 | 265.130 | 2,651.30 | 0,87% |
| 2 | Tổ chức | 17 | 908.753 | 9,087.53 | 3,01% |
| III | Cổ phiếu quỹ | 0 | 0,00 | - | 0,00% |
| Tổng cộng | | 4.368 | 30.158.436 | 301,584.36 | 100,00 |

- Danh sách cổ đông lớn:

| STT | Tên cổ đông | Số lượng (cổ phiếu) | Tỷ lệ (%) |
|-----|---------------------------------------|---------------------|-----------|
| 1 | Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn | 15.381.273 | 51% |

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Năm 2021 không có thay đổi.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Năm 2021 không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác: Năm 2021 không có giao dịch chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Với đặc thù kinh doanh trong lĩnh vực logistics, khai thác cảng, vận tải và các dịch vụ hỗ trợ vận tải khác liên quan, Công ty có các loại thiết bị chuyên dùng đa dạng trong hoạt động kinh doanh. Vì vậy, để vận hành các thiết bị này, năng lượng được sử dụng chủ yếu là điện và xăng dầu. Công ty đã sử dụng các loại năng

lượng này với định mức và chi phí sử dụng hợp lý, phù hợp với quy mô kinh doanh: giá vốn, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu và tiêu thụ năng lượng:

Nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh trong năm 2021, Công ty đã sử dụng 2,547,819 Kwh điện và 1,191,872 lít dầu diesel. Ý thức được việc sử dụng xăng, dầu về lâu dài sẽ gây ra khí độc; ảnh hưởng tới môi trường; Công ty trong quá trình hoạt động vẫn thường xuyên rà soát, đảm bảo việc sử dụng năng lượng hợp lý, hạn chế lãng phí nguyên, nhiên liệu.

6.4. Tiêu thụ nước:

Việc tiêu thụ nước của TCL phục vụ sinh hoạt tại văn phòng và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, việc vệ sinh công nghiệp tại các cảng, kho bãi được Công ty thuê các dịch vụ môi trường đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, do đó lượng nước tiêu thụ là không đáng kể. Trong năm 2021, tổng lượng nước sử dụng của TCL là 574,372 m³.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty tuân thủ nghiêm quy định về bảo vệ môi trường. Trong năm 2021 công không bị xử phạt do không tuân thủ pháp luật và các quy định về bảo vệ môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Tính đến ngày 31/12/2021

| STT | Năm | Tổng số lượng người lao động (người) | Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng) |
|-----|------|--------------------------------------|---|
| 1 | 2017 | 288 | 20.420 |
| 2 | 2018 | 288 | 22.444 |
| 3 | 2019 | 296 | 24.110 |
| 4 | 2020 | 301 | 24.470 |
| 5 | 2021 | 304 | 25.381 |

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Tính đến cuối năm 2021, tổng lao động của Công ty là 304 người. Mức lương bình quân năm 2021 của CBCNV là 21.877 triệu đồng/người đạt 104,67% kế hoạch. Thu nhập bình quân năm 2021 của CBCNV là 25.381 triệu đồng/người đạt 101,53% kế hoạch.

Môi trường làm việc chuyên nghiệp, văn minh, lịch sự và tạo điều kiện cho người lao động có cơ hội được học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

c) Hoạt động đào tạo người lao động.

- Nhân viên mới được tuyển dụng đều phải trải qua các khóa đào tạo nhằm nắm rõ về tổ chức công ty và quy trình vận hành các dịch vụ. Ngoài ra, CBNV luôn được tạo cơ hội phát huy năng lực cá nhân, tham gia các khóa học, khóa huấn luyện phù hợp nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

Trong năm 2021 công ty đã tổ chức nhiều chương trình huấn luyện, đào tạo phát triển kỹ năng để hỗ trợ người lao động đáp ứng tốt yêu cầu công việc cũng như phát triển sự nghiệp.

Công ty chú trọng công tác đào tạo lại để đáp ứng tốt khi sắp xếp bố trí lại công việc, ngoài ra phối hợp với các đơn vị liên quan để đào tạo nhân sự chuyên sâu như tại khu IMDG và chứng chỉ IICL cho nhân sự M&R để đáp ứng kịp thời các loại hình dịch vụ của Công ty.

Công ty phối kết hợp với Tổng công ty đã tổ chức các lớp huấn luyện, đào tạo; Tổng số học viên được huấn luyện, đào tạo: 1.097/lượt – người. Ngoài các chương trình huấn luyện đào tạo chung, công ty có chính sách hỗ trợ kinh phí, khuyến khích người lao động tự nguyện đăng ký học tập nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ.

Tổng chi phí cho hoạt động huấn luyện, đào tạo người lao động trong năm 2021 là 496.100 triệu đồng, (trong đó TCT Tân Cảng Sài Gòn – công ty mẹ hỗ trợ huấn luyện, đào tạo người lao động của công ty TCL: 104.550 triệu đồng).

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Bên cạnh việc tập trung phát triển sản xuất kinh doanh, chăm lo đời sống cho người lao động, công ty còn chú trọng đến các hoạt động trợ giúp cộng đồng, coi đó là nét đẹp trong văn hóa của công ty. Công ty thường xuyên duy trì các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, xóa đói giảm nghèo, xây nhà tình nghĩa nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái của công ty và của cán bộ công nhân viên công ty với xã hội và cộng đồng, đồng thời giữ vững và phát huy truyền thống tốt đẹp của Công ty.

Trong năm 2021 công ty đã chi cho các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, xoá đói giảm nghèo và hỗ trợ công tác phòng chống dịch cho các đơn vị, cộng đồng địa phương tổng số tiền 1,009.87 triệu đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

1.1. Thuận lợi:

- Mặc dù dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, được sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo kịp thời của chính quyền địa phương, Đảng Ủy, Ban TGD và các phòng ban chức năng của TCT TCSG cùng với tăng cường các biện pháp phòng chống dịch hiệu quả, kịp thời như chuẩn bị tốt công tác tổ chức PCD, 3T, xét nghiệm và tiêm chủng cho NLD nên hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của TCL vẫn được duy trì và đạt kế hoạch đề ra.

- Công tác tổ chức PCD, 3T, xét nghiệm và tiêm chủng cho NLD TCL được chuẩn bị tốt, tỷ lệ tiêm chủng đạt gần 100% quân số, công ty chủ động xây dựng kế hoạch và thích ứng nhanh chóng khi thành phố ra quyết định đóng cửa và mở cửa trở lại.

- Công ty triển khai thực hiện phương án khoán lương theo năng suất đối với các khu vực Bến 125, Bãi hàng hóa chất IMDG, Depot TCMT, phương tiện nâng, giúp tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công việc và đảm bảo mức thu nhập cho NLD có nhiều đóng góp cho công ty.

- TCL từng bước chuyển đổi kỹ thuật số trong quản lý điều hành và sản xuất với nhiều hình thức như: thanh toán bằng chuyển khoản, hóa đơn điện tử, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ như phần mềm quản lý Base, phần mềm thương vụ, chữ ký số ...góp phần tiết kiệm, giảm thiểu chi phí hành chính và nâng cao hiệu quả làm việc trực tuyến cho CB-CNV.

1.2. Khó khăn

- Do ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19, đặc biệt đợt dịch thứ 4 bùng phát từ tháng 5/2021 đến tháng 10/2021 Thành phố áp dụng các biện pháp mạnh gồm Chỉ thị 16 và 16+, hạn chế tối đa các hoạt động di chuyển trong thành phố và giữa các tỉnh thành phố, các doanh nghiệp phải bố trí nhân sự sản xuất 3T, xét nghiệm thường xuyên...phát sinh rất nhiều chi phí để đảm bảo sản xuất tại các khu vực đồng thời hạn chế tối đa các trường hợp lây nhiễm, thậm chí một số thời điểm TCL phải tạm ngưng dịch vụ đóng rút tại Bến 125 và Depot TCMT để đảm bảo công tác phòng chống dịch.

- Tình trạng kẹt cảng toàn cầu (nhất là ở Trung Quốc, Mỹ do thiên tai, dịch bệnh, thiếu lao động) cộng với giá thuê tàu cao, giá nhiên liệu cao, mất cân đối xuất nhập do thiếu container rỗng khiến cho chuỗi cung ứng gặp khó khăn, sản lượng thông qua tại Cảng Tân Cảng Cát Lái Quý II và III giảm so với cùng kỳ năm 2020.

- Dịch covid kéo dài làm giảm năng lực xuất nhập khẩu hàng hóa của doanh nghiệp, ảnh hưởng lớn đến sản lượng hàng qua Cảng Tân Cảng Cát Lái. Các cơ sở kinh doanh của công ty phân tán ở nhiều khu vực, việc lên các kế hoạch sản xuất, kế hoạch bố trí nhân sự khi bị giãn cách hay cách ly gặp nhiều khó khăn.

- Các khu vực đều bị phong tỏa, giãn cách nên nhiều dự án kế hoạch đầu tư năm 2021 chưa thể thực hiện như Dự án mở rộng cảng cạn Tân Cảng Nhơn Trạch (15ha), Dự án đầu tư hạ tầng khai thác mở rộng Tân Cảng Mỹ Thủy 2...

- Các nhà máy tại KCN Nhơn Trạch sản xuất cầm chừng do dịch bệnh, nhiều DN phải tạm ngừng sản xuất dẫn tới sản lượng XNK giảm mạnh.

- Tình hình cạnh tranh gay gắt giữa các Depot vẫn liên tục diễn ra trong năm, chính sách chiết khấu, miễn giảm luôn được các depot ngoài linh động áp dụng khiến hoạt động của Depot Tân Cảng Mỹ Thủy gặp khó khăn, có thời điểm sản lượng giảm mạnh. Tuy nhiên, do chất lượng dịch vụ ổn định, luôn được công ty quan tâm hàng đầu nên hoạt động khai thác vượt kế hoạch đề ra.

1.3. Kết quả hoạt động SXKD năm 2021.

Mặc dù năm 2021 gặp nhiều khó khăn, các chỉ tiêu của công ty vẫn đạt và vượt so với kế hoạch năm và so với cùng kỳ năm trước, chi tiết cụ thể như sau.

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch 2021 | Thực hiện 2021 | % so với KH năm | % so với cùng kỳ |
|-----|--------------------------------|---------------|----------------|-----------------|------------------|
| 1 | Tổng doanh thu, thu nhập thuần | 1,176,226.45 | 1,176,035.28 | 100% | 107% |
| 2 | Tổng lợi nhuận trước thuế | 133,301.63 | 137,943.82 | 103% | 110% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 109,488.43 | 111,493.78 | 102% | 108% |
| 4 | EPS (đồng/CP) | 2,963.38 | 3,029.00 | 102% | 113% |

- Những tiến bộ công ty đã đạt được.

Ngày 11/3/2021 triển khai thành công khu hàng lạnh tại ICD TCNT không chỉ mở ra cho ICD TCNT một dịch vụ hoàn toàn mới, mà còn giúp Cảng Cát Lái có thêm hậu phương trong tình trạng mùa cao điểm hàng lạnh thường xuyên kẹt bãi.

Ngày 03/4/2021 đưa vào hoạt động Khu Giao nhận tập trung hàng hóa chất IMDG giúp nâng cao an toàn, PCCN cho Cảng Tân Cảng Cát Lái.

Ngày 01/10/2021 trúng thầu hợp đồng sửa chữa container của Hãng tàu Mearsk đã tạo được uy tín, thương hiệu TCL với Hãng tàu, góp phần nâng cao hiệu quả khai thác depot TCMT.

Duy trì dịch vụ đóng gao từ salan vào container tại bến 125 và ICD TC Nhơn Trạch an toàn, hiệu quả giúp duy trì chuỗi dịch vụ cho DN XK gạo trong khi dịch vụ này bị đóng cửa tại các cảng khác trong suốt mùa dịch.

Ứng dụng chuyển đổi kỹ thuật số trong quản lý và ĐHSX với nhiều hình thức như: thanh toán bằng chuyển khoản, hóa đơn điện tử, phần mềm quản lý

Base, phần mềm Thương vụ, chữ ký số ... góp phần giảm thiểu chi phí hành chính và nâng cao làm việc trực tuyến cho CB-CNV.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Số liệu báo cáo hợp nhất:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Khoản mục | Năm 2020 | | Năm 2021 | |
|---------------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Tài sản ngắn hạn | 395,830.41 | 42% | 388,359.49 | 44% |
| Tài sản dài hạn | 553,170.34 | 58% | 498,888.31 | 56% |
| Tổng tài sản | 949,000.75 | 100% | 887,247.80 | 100% |

Số liệu báo cáo công ty mẹ:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Khoản mục | Năm 2020 | | Năm 2021 | |
|---------------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Tài sản ngắn hạn | 378,056.67 | 42% | 368,758.53 | 44% |
| Tài sản dài hạn | 517,709.80 | 58% | 471,150.77 | 56% |
| Tổng tài sản | 895,766.47 | 100% | 839,909.30 | 100% |

b) Tình hình nợ phải trả

Số liệu báo cáo hợp nhất:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Khoản mục | Năm 2020 | | Năm 2021 | |
|-------------------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Nợ ngắn hạn | 243,612.18 | 78% | 246,926.62 | 80% |
| Nợ dài hạn | 68,028.64 | 22% | 61,328.93 | 20% |
| Tổng nợ phải trả | 311,640.82 | 100% | 308,255.55 | 100% |

Trong năm nhóm Công ty không có nợ phải trả người bán ngắn hạn và nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán. Tình hình nợ phải trả của nhóm công ty năm trước và năm nay tốt.

Số liệu báo cáo công ty mẹ:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Khoản mục | Năm 2020 | | Năm 2021 | |
|-------------------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Nợ ngắn hạn | 236,661.04 | 78% | 246,944.64 | 80% |
| Nợ dài hạn | 68,028.64 | 22% | 61,328.93 | 20% |
| Tổng nợ phải trả | 304,689.68 | 100% | 308,273.57 | 100% |

Trong năm Công ty không có nợ phải trả người bán ngắn hạn và nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán. Tình hình nợ phải trả của công ty năm trước và năm nay tốt.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Công ty chủ trương tăng cường hình thức kiêm nhiệm theo phương châm “một người giỏi một việc, làm tốt nhiều việc” để tăng thu nhập cho người lao động và mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp trong cắt giảm chi phí lương, thưởng, tinh giản bộ máy TCBC.

Tăng cường việc giao khoán năng suất theo từng tháng, quý đối với các đơn vị sản xuất để khuyến khích người lao động chủ động sáng tạo làm việc khoa học hiệu quả.

Công ty thường xuyên cập nhật các ứng dụng về CNTT với các phần mềm chuyên ngành nhằm đồng bộ và chuyên nghiệp hóa đội ngũ CBCNV để nâng cao năng suất lao động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Đầu tư vào các dự án có thời gian thuê, hợp tác dài hạn, đảm bảo tính hiệu quả và phát triển bền vững. Đầu tư các dự án thuộc năng lực lõi của doanh nghiệp như: khai thác cảng, kho bãi và các dịch vụ phụ trợ cho hoạt động khai thác cảng.

Trước tình hình cạnh tranh khai thác depot, dịch vụ vận tải, logistics, dịch vụ kho bãi...trong khu vực diễn ra ngày càng gay gắt, cùng với sự bất ổn về kinh tế, chính trị, dịch bệnh, thiên tai trên thế giới ảnh hưởng sâu sắc đến kinh tế Việt Nam. TCL cần nhanh chóng nắm bắt xu thế, yêu cầu của thị trường, đầu tư kịp thời, đón đầu nhu cầu thị trường để phát triển bền vững các ngành nghề dịch vụ mũi nhọn có thế mạnh của Công ty, đặc biệt các dự án trọng điểm của Công ty giai đoạn 2021-2025.

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các dịch vụ tại ICD TCNT, bao gồm dịch vụ khai thác kho trần, hợp tác đầu tư xây dựng kho, dịch vụ kho, dịch vụ rỗng, dịch vụ đóng rút và dịch vụ lạnh tại ICD TCNT. Từng bước triển khai thu hút hàng từ Cái Mép về ICD TCNT khi TP HCM chính thức thu phí hạ tầng cảng biển từ ngày 01/4/2022.

Không ngừng nâng cao CLDV và năng lực điều hành tại các khu vực hiện hữu; Gia tăng kết nối khách hàng để tăng sản lượng; tích cực bám sát, phối kết hợp

với các phòng ban chức năng của TCT để tiếp thị khách hàng mới về sử dụng dịch vụ của công ty.

Hoàn thiện mô hình quản lý dịch vụ container rỗng, nâng cao năng lực quản lý và ứng phó đối với hàng hóa chất/IMDG tại cảng Cát Lái.

Đẩy nhanh ứng dụng phần mềm TTOS (TCIS-Terminal Operation Solutions) vào quản lý, điều hành cho Cảng, ICD, Depot của Công ty với công nghệ hiện đại và nhiều tính năng mới vượt trội so với CMS, tích hợp dễ dàng với nhiều hệ thống hiện hữu như ePort, eDO, EDI, hệ thống hãng tàu, hải quan, cổng trung gian thanh toán điện tử, v.v...đáp ứng tốt cho việc quản lý và điều hành sản xuất, chất lượng dịch vụ tại Công ty.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Công ty không gia công sản phẩm trực tiếp, không có khí thải hoặc nước thải công nghiệp. Khí thải do các phương tiện cơ giới hoạt động xả ra môi trường đảm bảo tiêu chuẩn cho phép của Việt Nam (tương đương EURO 3 trở lên).

Khu hàng Hóa chất IMDG đã được đầu tư hệ thống phòng cháy chữa cháy và Bảo vệ môi trường theo yêu cầu của các Cơ quan chức năng quản lý Nhà nước (Sở Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy, Sở Công thương).

Rác thải, nước thải công nghiệp: thu gom, xử lý đúng quy định, quy trình chung trong hệ thống toàn Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Nhìn chung, tình hình tổ chức cán bộ, nhân sự của công ty trong năm 2021 ổn định, không có nhiều thay đổi. Trong năm, thực hiện TCBC theo phê duyệt của Tổng công ty vẫn giữ nguyên quân số theo kế hoạch, năng suất lao động thực hiện tăng hơn kế hoạch 4,67 % thu nhập bình quân tăng so với kế hoạch và cơ bản được đảm bảo so với mặt bằng chung của Tổng công ty, người lao động yên tâm công tác gắn bó lâu dài với công ty.

Chất lượng lao động của công ty hiện nay đáp ứng được yêu cầu sản xuất hiện tại. Công ty có chính sách thu hút lao động giỏi và có một quy trình tuyển dụng chặt chẽ nhằm nâng cao chất lượng lao động phục vụ cho mục tiêu phát triển của công ty. Các chính sách đãi ngộ, hỗ trợ cho người lao động cũng được công ty chú trọng quan tâm nhằm động viên tinh thần làm việc và cũng là động lực để giữ chân người lao động, đặc biệt là những lao động giỏi.

Trong năm 2021 công ty đã tổ chức nhiều chương trình huấn luyện, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao nhằm phát triển kỹ năng cho người lao động đáp ứng tốt yêu cầu công việc. Ngoài ra, công ty có chính sách hỗ trợ kinh phí, khuyến khích người lao động tự nguyện đăng ký học tập nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty tích cực tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, xoá đói giảm nghèo, xây nhà tình nghĩa và các chương trình vận động khác tại các địa bàn hoạt động của công ty.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Năm 2021 là một năm đầy thử thách đối với kinh tế Việt Nam nói chung và TCL nói riêng khi mà dịch bệnh Covid-19 hoành hành đã tác động tiêu cực đến tốc độ tăng trưởng kinh tế và mọi mặt của xã hội, song bên cạnh đó đại dịch Covid-19 cũng thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch vốn FDI vào Trung Quốc sang các nước khu vực Đông Nam Á và tạo ra làn sóng tái phân bổ chuỗi cung ứng toàn cầu để tránh sự lệ thuộc vào nguồn cung ứng từ Trung Quốc. Việt Nam là điểm sáng về khả năng kiểm soát đại dịch và thực hiện thành công mục tiêu kép vừa chống dịch, vừa thực hiện chiến lược tăng trưởng kinh tế, là điểm đến đầy tiềm năng cho các nhà đầu tư.

Trong bối cảnh kinh tế khó khăn do Đại dịch Covid-19 gây ra, TCL vẫn giữ được mức tăng trưởng ổn định, cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu, thu nhập thuần năm 2021 đạt 1,176,035.28 triệu đồng, bằng 100% so với kế hoạch năm và bằng 107% so với cùng kỳ;
- Lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 137,943.82 triệu đồng bằng 103% so với kế hoạch năm và bằng 110% so với cùng kỳ;
- Lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 111,493.78 triệu đồng, bằng 102% so với kế hoạch năm và bằng 108% so với cùng kỳ.
- EPS năm 2021 đạt 3,029 đồng/CP, đạt 102% so với kế hoạch năm và bằng 113% so với cùng kỳ.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

Trong năm 2021, Ban Giám đốc đã triển khai tổ chức thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị. Ban Giám đốc báo cáo, đánh giá sát thực tình hình kết quả sản xuất kinh doanh và xây dựng kế hoạch, giải pháp định kỳ mỗi quý để báo cáo Hội đồng quản trị.

Ban Giám đốc đã có nhiều giải pháp tốt để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; kịp thời ban hành các quy trình, quy định nhằm phát huy chất lượng của các dịch vụ mang lại nguồn doanh thu chính như dịch vụ khai thác Depot, dịch vụ xếp dỡ và dịch vụ ICD Tân Cảng Nhơn Trạch Ban điều hành đã triển khai thực hiện các giải pháp, chính sách thu hút khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty; tiếp tục triển khai các giải pháp khoán lương, thưởng nhằm khuyến khích nâng cao năng suất lao động.

Công tác đầu tư mua sắm được quản lý chặt chẽ và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Qua các đợt kiểm tra, kiểm toán, Công ty được đánh giá hoạt động hiệu quả, tài chính lành mạnh, nguồn vốn luôn được bảo toàn phát triển. Nội bộ đơn vị đoàn kết, ổn định; người lao động yên tâm công tác.

Ban điều hành chú trọng việc quản lý, triển khai quy hoạch bến, bãi để tăng dung lượng chứa container, giảm sản lượng đảo chuyển đụn bãi, góp phần giảm chi phí nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

1. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

– Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 với các chỉ tiêu Doanh thu tăng 5,5%, Lợi nhuận tăng 4,6% so với thực hiện năm 2021 cũng như tiếp tục quyết liệt chỉ đạo, triển khai thực hiện kế hoạch sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

– Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục nâng cao CLDV và năng lực điều hành tại các khu vực hiện hữu; Gia tăng kết nối khách hàng để tăng sản lượng; tích cực bám sát, phối kết hợp với các phòng ban chức năng của TCT để tiếp thị khách hàng mới về sử dụng dịch vụ của công ty.

– Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục nghiên cứu đẩy mạnh đầu tư, mở rộng CSHT để ổn định và phát triển lâu dài, đồng thời cần có kế hoạch phân kỳ đầu tư cụ thể để đảm bảo tính thực tế của các kế hoạch đầu tư.

– Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy định phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty. Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ, coi đây là công cụ quản lý quan trọng công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

- Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm | Số lượng CP sở hữu/ đại diện | Tỷ lệ sở hữu |
|----|----------------------|---------------------------------|---------------|-----------------|------------------------------|--------------|
| 1 | Ông Lê Hoàng Linh | Chủ tịch HĐQT | 22/05/2020 | | 10.858.101 | 36,00 % |
| 2 | Ông Nguyễn Văn Uân | Phó Chủ tịch HĐQT | 14/3/2007 | 15/6/2021 | 26.161 | |
| 3 | Ông Lê Văn Cường | Thành viên HĐQT (Giám đốc) | 19/04/2019 | | 3.015.940 | 10,00 % |
| 4 | Ông Võ Đắc Thiệu | Thành viên HĐQT không điều hành | 06/04/2012 | | 37.516 | 0,12 % |
| 5 | Ông Hoàng Đức Thịnh | Thành viên HĐQT không điều hành | 15/06/2021 | | 1.507.968 | 5,00 % |
| 6 | Ông Nguyễn Xuân Bình | Thành viên HĐQT độc lập | 09/04/2013 | | 5.760 | 0,02% |

Ông Lê Hoàng Linh

Ngày sinh 14/02/1968

Quốc tịch Việt Nam

Trình độ chuyên môn Kỹ sư Kinh tế VTB, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

| | |
|---|---|
| Thời gian | : Chức vụ |
| 12/1991 – 10/1992 | Trợ lý Kỹ thuật Khai thác tàu, Phòng Kế hoạch, Tổng Công ty miền Tây, Quân Khu 9. |
| 01/1993 – 08/2006 | Nhân viên phòng KHKT, Công ty Tân Cảng Sài Gòn |
| 9/2006 – 3/2007 | Trưởng ban Khai thác, phòng KHKT, TCT Tân cảng Sài Gòn. |
| 4/2007 – 02/2008 | Thành viên HĐQT, Trưởng ban Logistics, Công ty CP Đại lý GNVN Xếp dỡ Tân Cảng. |
| 3/2008 – 6/2009 | Thành viên HĐQT, Phó giám đốc kiêm Trưởng phòng Logistics, Công ty CP Đại lý GNVN Xếp dỡ Tân Cảng. |
| 7/2009 – 4/2013 | Thành viên HĐQT, Phó giám đốc, Công ty CP Đại lý GNVN Xếp dỡ Tân Cảng. |
| 9/2009 – 8/2011 | Chủ tịch HĐQT công ty CP Vận tải Tân Cảng Số Hai. |
| 8/2011 - 8/2012 | Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc Cty CP Vận tải Tân Cảng Số Hai |
| 9/2012 - 2/2016 | Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc Cty CP Vận tải thủy Tân Cảng. |
| 3/2016 - 4/2019 | Thành viên HĐQT, Giám đốc công ty CP Vận tải thủy Tân Cảng |
| 5/2019-5/2020 | Thành viên HĐQT, Giám đốc Cty CP cảng Tân cảng Hiệp Phước |
| 5/2020 – nay | Chủ tịch Công ty CP Đại lý GNVN Xếp dỡ Tân Cảng. |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết | Chủ tịch Hội đồng quản trị. |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | - Thành viên HĐQT Công ty CP Tân Cảng Bến Thành. -Thành viên HĐQT Công ty CP tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai |
| Số cổ phần nắm giữ tại công ty (31/12/2021) | 10.858.101 cổ phần, chiếm 36 % vốn điều lệ. Trong đó: + Đại diện sở hữu: 10.857.369 cổ phần, chiếm 36 % vốn điều lệ + Cá nhân sở hữu: 732 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ |
| Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: | Không. |

Ông Lê Văn Cường: Xem thông tin ở mục Danh sách Ban điều hành

Ông Võ Đắc Thiệu

Ngày sinh 22/4/1968

Quốc tịch Việt Nam

Trình độ chuyên môn Thạc sỹ Kinh tế vận tải biển

| | |
|----------------|---|
| Thời gian | : Chức vụ |
| 1991 – 1995 | Nhân viên Kế hoạch tại Công ty Vận tải biển Đà Nẵng |
| 03/1995 – 1996 | Nhân viên Điều độ Công ty Tân Cảng Sài Gòn |

| | |
|---|---|
| 1996 – 1998 | Tổ trưởng thu ngân Công ty Tân Cảng Sài Gòn |
| 1998 – 1999 | Kế toán tổng hợp Công ty Tân Cảng Sài Gòn |
| 1999 – 2000 | Đội trưởng Thương vụ Công ty Tân Cảng Sài Gòn |
| 2000 – 2005 | Trợ lý Thương vụ Công ty Tân Cảng Sài Gòn. |
| 2005 – 2008 | Phó trưởng phòng Kế hoạch khai thác Công ty Tân Cảng Sài Gòn. |
| 2008 – 2012 | Trưởng phòng Khai thác Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn |
| 04/2012 – nay | Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết | Thành viên Hội đồng quản trị |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | - Thành Viên HĐQT Công ty CP Vận tải Thủy Tân Cảng - Thành Viên HĐQT Công ty CP Vận tải Biển Tân Cảng |
| Số cổ phần nắm giữ tại công ty (31/12/2021) | 37.516 cổ phần, chiếm 0.124 % vốn điều lệ + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ + Cá nhân sở hữu: 37.516 cổ phần, chiếm 0.124% vốn điều lệ. |
| Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: | - Mối quan hệ: vợ, Tên cá nhân: Trần Thị Thanh Thủy nắm giữ: 11 CP, chiếm 0.00% vốn điều lệ |

Ông Hoàng Đức Thịnh

Ngày sinh 27/10/1974

Quốc tịch Việt Nam

Trình độ chuyên môn Thạc sĩ Quản trị chuỗi cung ứng

| | |
|---|--|
| Thời gian | : Chức vụ |
| - 9/2005 – 8/2010 | Phó trưởng Terminal Cát lái 3, Phó trưởng Tern B, Phó Trưởng Đội TBSX, TCT Tân Cảng Sài Gòn; |
| - 9/2010 – 8/2014 | Trưởng Terminal Cát Lái B, Trung tâm Điều độ Cảng Tân Cảng Sài Gòn |
| - 9/2014 – 1/2020 | Phó Giám đốc Trung tâm Điều độ Cảng, TCT Tân Cảng Sài Gòn |
| Từ 2/2020 đến nay | Giám đốc Trung tâm Điều độ Cảng, TCT Tân Cảng Sài Gòn |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết | Thành viên Hội đồng quản trị |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Không |
| Số cổ phần nắm giữ tại công ty (31/12/2021) | 1.507.968 CP, chiếm 5 % vốn điều lệ + Đại diện sở hữu: 1.507.968 cổ phần, chiếm 5 % vốn điều lệ + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ. |

| | |
|---|-------|
| Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: | Không |
|---|-------|

Ông Nguyễn Xuân Bình

Ngày sinh 15/11/1955

Quốc tịch Việt Nam

Trình độ chuyên môn Kỹ sư chuyên ngành Hàng hải; Cử nhân Luật.

| | |
|--|--|
| Thời gian | : Chức vụ |
| 1978 - 12/1979 | Giáo viên Khoa điều khiển tàu biển Trường Đại học Hàng Hải. |
| 12/1979 - 12/1980 | Thiếu úy - Thuyền phó tàu HQ 03, Lữ đoàn 171 Hải quân. |
| 12/1980 - 12/1981 | Trung úy - Trợ lý Hàng hải Hải đoàn I, Lữ đoàn 171 Hải quân. |
| 12/1981 - 8/1982 | Trợ lý hàng hải Hải đội 812, Lữ đoàn 171 Hải quân. |
| 8/1982 - 11/1983 | Thượng úy - Bộ túc kỹ thuật điều khiển tàu chiến 159AE, TTHL Hải quân Liên Xô |
| 12/1983 - 7/1986 | Thượng úy - Quyền Thuyền trưởng tàu HQ15, Lữ đoàn 171 Hải Quân. |
| 9/1986 - 5/1987 | Cán bộ phòng Tổ chức Cán bộ, Công ty Thuê tàu Môi giới hàng hải (Vietfracht). |
| 06/1987 - 8/1993 | Thuyền phó, Thuyền trưởng các tàu biển, Công ty Thuê tàu Môi giới hàng hải (Vietfracht). |
| 9/1993 - 2/1999 | Trưởng phòng Đại lý tàu biển, TP Giao nhận tại Công ty Vận tải và Thuê Tàu |
| 3/1999 - 5/2001 | Phó giám đốc Vietfracht chi nhánh Hồ Chí Minh. |
| 5/2001 - 11/2003 | Phó Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp đại lý APL/ASACO |
| 12/2003 - 05/2009 | Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng - ASACO |
| 06/2009 - 11/2015 | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng - ASACO |
| 12/2015 – nay | Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải Quốc tế Phương Nam |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết | Thành viên độc lập Hội đồng quản trị |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Chủ tịch HĐQT Công ty CP tiếp vận Quốc tế Phương Nam |
| Số cổ phần nắm giữ tại công ty (31/12/2021) | 5.760 cổ phần, chiếm 0.019% vốn điều lệ + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ + Cá nhân sở hữu: 5.760 cổ phần, chiếm 0.019% vốn điều lệ |
| Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết | Không |

- Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban, tuy nhiên HĐQT đã phân công ông Nguyễn Xuân Bình - Thành viên độc lập HĐQT phụ trách, giám sát về tiền lương, thưởng, thu nhập, nhân sự.

- Hoạt động của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Công ty tổ chức 11 cuộc họp, duy trì họp thường kỳ mỗi quý một lần, tổ chức họp bất thường khi cần thiết, đảm bảo chương trình, số lượng thành viên dự họp và biểu quyết theo luật định. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2021 cụ thể như sau:

| STT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------|------------|--|-----------------|
| 1 | Số: 61/NQ-HĐQT | 28/01/2021 | <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2020 - Thông qua việc bổ nhiệm ông Châu Thanh Hải giữ chức Phó Giám đốc Công ty. | 5/5 (100%) |
| 2 | Số: 66/NQ-HĐQT | 08/02/2021 | <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả SXKD quý 4 và cả năm 2020 - Thông qua kế hoạch SXKD quý 1/2021 - Thông qua kết quả đầu tư quý 4 và cả năm 2020 - Thông qua kế hoạch đầu tư quý 1/2021 | 5/5 (100%) |
| 3 | Số: 179/NQ-HĐQT | 08/4/2021 | <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 - Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 | 5/5 (100%) |
| 4 | Số: 254A/NQ-HĐQT | 21/5/2021 | <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua thời gian, địa điểm, nội dung tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 - Thông qua kết quả SXKD quý 1 năm 2021 - Thông qua kế hoạch SXKD quý 2/2021 - Thông qua kết quả đầu tư quý 1 năm 2021 - Thông qua kế hoạch đầu tư quý 2/2021 - Thông qua quy chế công bố thông tin | 5/5 (100%) |
| 5 | Số: 255A/NQ-HĐQT | 21/5/2021 | <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Cty TCL tại Công ty CP ICD Tân Cảng Cái Mép - Thông qua phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Cty TCL tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu | 5/5 (100%) |
| 6 | Số: 335A/NQ-HĐQT | 25/6/2021 | <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua nội dung trả lời phiếu xin ý kiến số:140521/PYK-TCBT ngày 14/5/2021 của Người đại diện phần vốn tại Công ty CP Tân Cảng Bến Thành | 5/5 (100%) |
| 7 | Số: 336A/NQ | 28/6/2021 | <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua nội dung trả lời phiếu xin ý kiến của Người đại diện phần vốn tại các công ty (Công ty CP | 5/5 |

| | | | | |
|----|------------------|------------|---|---------------|
| | HĐQT | | Cát Lái Đông Sài Gòn; Công ty CP Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai và Công ty CP Tân Cảng 128 Hải Phòng) | (100%) |
| 8 | Số: 344 /NQ-HĐQT | 05/7/2021 | - Thông qua Chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C – Chi nhánh TP. Hà Nội là đơn vị thực hiện cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021. | 5/5 (100%) |
| 9 | Số: 426 /NQ-HĐQT | 10/9/2021 | - Thông qua KQ SXKD quý 2 và 6 tháng đầu năm 2021. - Thông qua kế hoạch SXKD quý 3/2021. - Thông qua KQ đầu tư quý 2 và 6 tháng đầu năm 2021. - Thông qua kế hoạch đầu tư quý 3/2021. - Thông qua việc đề cử ông Châu Thanh Hải – Phó Giám đốc công ty tham gia Ban quản trị hợp doanh nhà văn phòng thay ông Nguyễn Văn Uẩn và đề cử ông Lê Văn Cường, Giám đốc công ty TCL ứng cử vị trí Trưởng BQT hợp doanh Nhà Văn Phòng thay ông Nguyễn Văn Uẩn. - Thông qua việc không thu phí quản lý tòa nhà văn phòng do dịch covid-19 (từ 01/6/2021 đến hết 31/8/2021). | 5/5 (100%) |
| 10 | Số: 497 /NQ-HĐQT | 01/11/2021 | - Thông qua bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Hòa làm Phó Giám đốc Công ty | 5/5 (100%) |
| 11 | Số: 551 /NQ-HĐQT | 16/12/2021 | - Thông qua kết quả SXKD quý 3 và 9 tháng đầu năm 2021. - Thông qua kế hoạch SXKD quý 4 năm 2021. - Thông qua kết quả đầu tư quý 3 và 9 tháng đầu năm 2021. - Thông qua kế hoạch đầu tư quý 4 năm 2021. - Thông qua chủ trương về việc chấm dứt hợp đồng thuê kho giữa TCL với công ty CP đầu tư phân bón toàn cầu. - Thông qua việc không thu phí quản lý tòa nhà văn phòng do dịch covid (từ 01/9/2021 đến hết 31/12/2021). | 5/5 (100%) |

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty | Tham gia các chương trình về quản trị công ty |
|-----|----------------------|---------------------------------|--|---|
| 1 | Ông Võ Đắc Thiệu | Thành viên HĐQT không điều hành | | x |
| 2 | Ông Nguyễn Xuân Bình | Thành viên độc lập HĐQT | x | |

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Tính đến 31/12/2021

| STT | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS | Số buổi họp BKS tham dự | Tỷ lệ tham dự họp |
|-----|---------------------|------------|--|-------------------------|-------------------|
| 1 | Ông Phạm Văn Phụng | Trưởng ban | 15/06/2021 | 4/5 | 80% |
| 2 | Bà Nguyễn Thị Nhu | Thành viên | 28/04/2017 | 5/5 | 100% |
| 3 | Bà Lê Thị Kim Chung | Thành viên | 15/06/2021 | 4/5 | 80% |
| 4 | Bà Vũ Thị Lan Anh | Trưởng ban | 07/4/2016- | 1/5 | 20% |
| 5 | Bà Phạm Kim Oanh | Thành viên | 06/4/2012 - | 1/5 | 20% |

Ông Phạm Văn Phụng

Ngày sinh 24/6/1971
 Quốc tịch Việt Nam
 Trình độ chuyên môn Cử nhân Luật

| | |
|---|--|
| Thời gian | Chức vụ |
| 7/1991- 4/2006 | Phòng Quân sự - Bảo vệ, TCT Tân cảng Sài Gòn |
| 5/2006 - 8/2019 | Phòng Tổ chức lao động - Tiền lương, TCT Tân cảng Sài Gòn |
| 9/2019 - nay | Phó trưởng phòng, Phòng Kiểm toán nội bộ, TCT Tân cảng Sài Gòn |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết | Trưởng ban kiểm soát |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Không |
| Số cổ phần nắm giữ tại công ty (31/12/2020) | Không |
| Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: | Không |

Bà Nguyễn Thị Nhu

Ngày sinh 25/12/1969
 Quốc tịch Việt Nam
 Trình độ chuyên môn Cử nhân sư phạm

| | |
|----------------------|--|
| Thời gian | Chức vụ |
| 2006 – nay | Trưởng phòng Tổ chức lao động, Công ty CP Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng. |
| Chức vụ hiện nay tại | Thành viên Ban Kiểm soát. |

| | |
|--|--|
| tổ chức niêm yết | |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Không. |
| Số cổ phần nắm giữ tại công ty (31/12/2021) | 106, chiếm 0,00 % vốn điều lệ: + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ. + Cá nhân sở hữu: 106cp chiếm 0,00 % vốn điều lệ |
| Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết | - Mỗi quan hệ: Anh trai, tên cá nhân: Nguyễn Đăng Nghiêm, nắm giữ 39.543 CP, chiếm 0,13% VDL - Mỗi quan hệ: Chị dâu, Tên cá nhân: Trần Thị Thoa, nắm giữ 94 cp, chiếm 0,0003% VDL. - Mỗi quan hệ: Anh trai, Tên cá nhân: Nguyễn Đăng Phong, nắm giữ 4cp, chiếm 0% VDL; - Mỗi quan hệ: Chị gái, Tên cá nhân: Nguyễn Thị Phúc, nắm giữ 500cp, chiếm 0.002% VDL. |

BÀ LÊ THỊ KIM CHUNG

Ngày sinh 05/7/1997
Quốc tịch Việt Nam
Trình độ chuyên môn Cử nhân kế toán

| | |
|---|---|
| Thời gian | Chức vụ |
| 11/2019- nay | Nhân viên kế toán Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết | Thành viên Ban kiểm soát |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Không |
| Số cổ phần nắm giữ tại công ty (31/12/2021) | Không |
| Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: | Không |

- Cuộc họp của Ban Kiểm soát:

| STT | Thành viên BKS | Chức vụ | Số buổi họp BKS tham dự | Tỷ lệ tham dự | Lý do không tham dự họp |
|-----|---------------------|------------|-------------------------|---------------|--------------------------|
| 1 | Ông Phạm Văn Phương | Trưởng ban | 4/5 | 80% | |
| 2 | Bà Nguyễn Thị Nhu | Thành viên | 5/5 | 100% | |
| 3 | Bà Lê Thị Kim Chung | Thành viên | 4/5 | 80% | |
| 4 | Bà Vũ Thị Lan Anh | Trưởng ban | 1/5 | 20% | Miễn nhiệm từ 15/06/2021 |
| 5 | Bà Phạm Kim Oanh | Thành viên | 1/5 | 20% | Miễn nhiệm từ 15/06/2021 |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

– Ban kiểm soát cử đại diện tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT và tổ chức họp BKS định kỳ 6 tháng 01 lần, tổ chức họp bất thường khi cần thiết. Năm 2021 Ban kiểm soát đã họp 5 lần. Qua kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán của công ty được tổ chức khoa học, ghi chép rõ ràng, thuận tiện cho việc kiểm tra. Qua kiểm tra sổ sách ghi nhận như sau:

– Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò giám sát hoạt động của Ban điều hành, đã tổ chức nhiều cuộc họp để kịp thời chỉ đạo định hướng chiến lược hoạt động và hỗ trợ Ban điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

– Hội đồng quản trị, Ban giám đốc tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong quản lý điều hành. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định;

– Ban điều hành đã thực hiện tốt công tác dự báo, xây dựng kế hoạch và giám sát chặt chẽ các dự án đầu tư, hạn chế thấp nhất những rủi ro trong hoạt động kinh doanh; xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp với thị trường và điều chỉnh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư cho phù hợp thực tế tình hình sản xuất của đơn vị, góp phần đem lại hiệu quả nhất định;

– Hội đồng quản trị, Ban giám đốc nghiêm túc tuân thủ các quy định về công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

– Đối với cổ đông: Ban kiểm soát công ty không nhận được đơn yêu cầu hay khiếu nại của Cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Họ và tên | HĐQT, BGD, BKS | | | | |
|----------|--------------------------|------------------------------------|-------|---------|--------|---------|
| | | Chức danh | Lương | Thù lao | Thưởng | Tổng |
| A | Hội đồng quản trị | | | | | |
| 1 | Ông Lê Hoàng Linh | Chủ tịch HĐQT | 960,0 | 96,0 | 41,1 | 1.097,1 |
| 2 | Ông Nguyễn Văn Uẩn | Phó chủ tịch HĐQT | 39,7 | 39,0 | 60,4 | 139,1 |
| 3 | Ông Lê Văn Cường | Thành viên HĐQT (Giám đốc) | 910,6 | 60,0 | 60,4 | 1.031 |
| 4 | Ông Võ Đắc Thiệu | Thành viên HĐQT không điều hành | | 60,0 | 45,3 | 105,3 |
| 5 | Ông Nguyễn Xuân Bình | Thành viên độc lập HĐQT | | 60,0 | 45,3 | 105,3 |

| | | | | | | |
|------------------------------------|---------------------|---------------------------------|-------|------|------|-------|
| 6 | Ông Hoàng Đức Thịnh | Thành viên HĐQT không điều hành | | 30,0 | | 30,0 |
| B Ban Giám đốc | | | | | | |
| 1 | Ông Phạm Văn Hùng | Phó Giám đốc | 800,3 | | 45,3 | 845,6 |
| 2 | Ông Đặng Thanh Sơn | Phó Giám đốc | 713,6 | | 45,3 | 758,9 |
| 3 | Ông Châu Thanh Hải | Phó Giám đốc | 432,0 | | | 432,0 |
| 4 | Ông Nguyễn Văn Hòa | Phó Giám đốc | 7,0 | | | 7,0 |
| C Ban Kiểm soát | | | | | | |
| 1 | Ông Phạm Văn Phụng | Trưởng ban Kiểm soát | | 30,0 | | 30,0 |
| 2 | Bà Nguyễn Thị Nhu | TV BKS | 457,6 | 30,0 | 30,2 | 517,8 |
| 3 | Bà Lê Thị Kim Chung | TV BKS | | 15,0 | | 15,0 |
| 4 | Bà Vũ Thị Lan Anh | Trưởng ban Kiểm soát | | 30,0 | 45,3 | 75,3 |
| 5 | Bà Phạm Kim Oanh | TV BKS | | 15 | 30,2 | 45,2 |
| D TP. TCKT – Kế toán trưởng | | | | | | |
| 1 | Phạm Thị Thu Hà | TP. TCKT – KKTT | 542,6 | 24 | 30,2 | 596,8 |

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với cổ đông nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|----------------------------|---------------------------|--------|----------------------------|-------|--|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 1 | Ông Hoàng Đức Thịnh | TV. HĐQT | 282.000 | 0.935% | 0 | 0% | Bán |

c) Hợp đồng hoặc Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây:

Công ty có các giao dịch cung cấp dịch vụ /thuê dịch vụ với các công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây như sau:

- Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (Cty mẹ)
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai (Công ty con)
- Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng (Công ty liên kết)
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành (Công ty liên kết)
- Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn (Công ty liên kết)
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Tân Cảng (Công ty cùng Tập đoàn)
- Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng (Công ty cùng Tập đoàn)
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Dịch vụ Hạ tầng Á Châu
- Công ty Cổ phần Giang Nam Logistics.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính: Đính kèm.

Thủ Đức, ngày 08 tháng 4 năm 2022.

Nơi nhận:

- Đăng website Cty
- Lưu: VT, ĐTPC; Tr 05.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC**



A handwritten signature in blue ink, consisting of a stylized 'L' followed by a cursive 'V' and 'C'.

Lê Văn Cường

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI
XÉP DỠ TÂN CẢNG

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|--------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 - 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 14 - 43 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty").

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103006182, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 12 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó thay đổi lần thứ 12 ngày 08 tháng 3 năm 2021 do thay đổi địa chỉ Công ty.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 73073979
- Fax : 028 37423027

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|----------------------|--------------|---------------------------------------|
| Ông Lê Hoàng Linh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020 |
| Ông Nguyễn Văn Uẩn | Phó Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021 |
| Ông Võ Đắc Thiệu | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017 |
| Ông Nguyễn Xuân Bình | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017 |
| Ông Lê Văn Cường | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Hoàng Đức Thịnh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|---------------------|------------|-------------------------------------|
| Ông Phạm Văn Phương | Trưởng ban | Bổ nhiệm 15 tháng 6 năm 2021 |
| Bà Vũ Thị Lan Anh | Trưởng ban | Miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021 |
| Bà Nguyễn Thị Nhu | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017 |
| Bà Lê Thị Kim Chung | Ủy viên | Bổ nhiệm 15 tháng 6 năm 2021 |
| Bà Phạm Kim Oanh | Ủy viên | Miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021 |

Ban Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|--------------------|----------------|---------------------------|
| Ông Lê Văn Cường | Giám đốc | Ngày 26 tháng 2 năm 2020 |
| Ông Đặng Thanh Sơn | Phó Giám đốc | Ngày 01 tháng 8 năm 2017 |
| Ông Phạm Văn Hùng | Phó Giám đốc | Ngày 31 tháng 01 năm 2019 |
| Ông Châu Thanh Hải | Phó Giám đốc | Ngày 08 tháng 2 năm 2021 |
| Ông Nguyễn Văn Hòa | Phó Giám đốc | Ngày 30 tháng 11 năm 2021 |
| Bà Phạm Thị Thu Hà | Kế toán trưởng | Ngày 19 tháng 11 năm 2019 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Lê Văn Cường – Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 2 năm 2020).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Nhóm Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Lê Văn Cường

Ngày 18 tháng 3 năm 2022

| | | |
|---------------------|--|--------------------|
| Head Office | : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 | kttv@a-c.com.vn |
| Branch in Hà Nội | : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 | kttv.hn@a-c.com.vn |
| Branch in Nha Trang | : Lot SIH06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 | kttv.nt@a-c.com.vn |
| Branch in Cần Thơ | : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 | kttv.ct@a-c.com.vn |

Số: 2.0206/22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 18 tháng 03 năm 2022, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa – Phó Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4028-2022-008-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 388.359.492.010 | 395.830.411.621 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 31.210.708.945 | 57.615.894.140 |
| 1. Tiền | 111 | | 12.346.565.829 | 19.784.514.574 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 18.864.143.116 | 37.831.379.566 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 118.000.000.000 | 172.400.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 118.000.000.000 | 172.400.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 228.175.024.699 | 157.525.120.674 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 217.910.951.439 | 141.876.369.858 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 343.336.235 | 846.377.920 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4a | 10.316.473.694 | 15.198.109.565 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | (395.736.669) | (395.736.669) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 7.113.032.145 | 5.512.651.000 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.5 | 7.113.032.145 | 5.512.651.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 3.860.726.221 | 2.776.745.807 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.6a | 2.040.342.540 | 2.729.737.475 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 1.820.383.681 | 47.008.332 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 498.888.310.572 | 553.170.339.642 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 21.974.320.400 | 21.974.320.400 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.4b | 21.974.320.400 | 21.974.320.400 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 316.132.883.399 | 351.101.651.111 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.7 | 291.963.594.583 | 326.195.330.062 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 882.519.012.491 | 881.397.717.491 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (590.555.417.908) | (555.202.387.429) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.8 | 24.169.288.816 | 24.906.321.049 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 28.571.911.391 | 28.571.911.391 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (4.402.622.575) | (3.665.590.342) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 2.518.730.741 | 2.102.947.105 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 2.518.730.741 | 2.102.947.105 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 139.538.563.139 | 143.960.557.975 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.2b | 113.059.083.139 | 109.481.077.975 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2c | 26.479.480.000 | 34.479.480.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 18.723.812.893 | 34.030.863.051 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.6b | 18.723.812.893 | 34.030.863.051 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 887.247.802.582 | 949.000.751.263 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 308.255.546.202 | 311.640.818.626 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 246.926.619.446 | 243.612.179.870 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.9 | 166.687.824.439 | 170.323.561.594 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 479.652.030 | 365.483.000 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.10 | 11.713.637.196 | 9.956.404.905 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 24.363.360.714 | 17.345.164.107 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.11 | 4.059.946.890 | 533.415.383 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.12a | 26.018.797.253 | 26.637.164.999 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.13a | 7.249.712.000 | 7.249.712.000 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.14 | 6.353.688.924 | 11.201.273.882 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 61.328.926.756 | 68.028.638.756 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.12b | 37.768.090.504 | 37.218.090.504 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.13b | 23.560.836.252 | 30.810.548.252 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 578.992.256.380 | 637.359.932.637 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.15 | 578.992.256.380 | 637.359.932.637 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 301.584.360.000 | 301.584.360.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 301.584.360.000 | 301.584.360.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 20.712.126.338 | 20.712.126.338 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 1.512.000.000 | 1.512.000.000 |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 80.494.967.370 | 47.045.370.117 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 152.383.337.924 | 243.322.238.500 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 92.541.964.903 | 243.322.238.500 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 59.841.373.021 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 22.305.464.748 | 23.183.837.682 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 887.247.802.582 | 949.000.751.263 |

Lập, ngày 18 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Nguyễn Xuân Tân

Phạm Thị Thu Hà

Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 1.185.725.670.210 | 1.089.791.663.153 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 1.185.725.670.210 | 1.089.791.663.153 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 982.133.344.119 | 912.711.696.736 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 203.592.326.091 | 177.079.966.417 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 10.033.965.647 | 16.551.106.537 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 1.532.425.931 | 2.167.370.141 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 1.532.404.369 | 2.167.362.300 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | V.2b | 15.458.005.164 | 2.492.582.718 |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 25.203.609.627 | 10.892.035.973 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 61.761.400.289 | 61.052.889.099 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 140.586.861.055 | 122.011.360.459 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | | 22.835.007 | 719.680.586 |
| 13. Chi phí khác | 32 | | 221.175.321 | 411.880.569 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | (198.340.314) | 307.800.017 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 140.388.520.741 | 122.319.160.476 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.10 | 26.918.009.388 | 21.840.511.395 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>113.470.511.353</u> | <u>100.478.649.081</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | <u>113.456.462.745</u> | <u>99.449.133.986</u> |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | <u>14.048.608</u> | <u>1.029.515.095</u> |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.7 | <u>3.094</u> | <u>2.684</u> |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.7 | <u>3.094</u> | <u>2.684</u> |

Người lập biểu

Nguyễn Xuân Tân

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hà

Lập, ngày 18 tháng 03 năm 2022

Giám đốc


Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|----------------------|-------------------------|-------------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 140.388.520.741 | 122.319.160.476 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 VI.8 | 34.626.408.198 | 58.775.170.448 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | - | 258.550.000 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 VI.4 | 21.562 | 7.841 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (9.995.593.829) | (17.220.924.064) |
| - Chi phí lãi vay | 06 VI.4 | 1.532.404.369 | 2.167.362.300 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 166.551.761.041 | 166.299.327.001 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (153.210.818.348) | (53.580.219.069) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (1.600.381.145) | 2.573.521.971 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | 2.697.117.502 | 34.264.028.822 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 15.996.445.093 | (3.125.971.616) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (1.549.224.695) | (2.175.958.644) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 V.10 | (23.300.692.680) | (21.075.649.296) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 V.14 | 139.000.000 | 833.734.168 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 V.14 | (25.030.672.568) | (21.919.127.302) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (19.307.465.800) | 102.093.686.035 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (1.537.078.636) | (56.681.809.327) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | - | 669.818.180 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (31.400.000.000) | (145.900.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 85.800.000.000 | 104.000.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 V.2c | 8.000.000.000 | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 13.876.767.803 | 16.551.105.884 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 74.739.689.167 | (81.360.885.263) |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số | minh | Năm nay | | Năm trước |
|--|-----------------|------------|-------------------------|--------------------------|-----------|
| | | | | | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - | |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - | |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.13 | - | 12.013.904.468 | |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.13 | (7.249.712.000) | (16.736.670.816) | |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | (1.077.272.734) | |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (74.587.675.000) | (103.086.933.530) | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (81.837.387.000) | (108.886.972.612) | |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (26.405.163.633) | (88.154.171.840) | |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 57.615.894.140 | 145.770.073.821 | |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (21.562) | (7.841) | |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 31.210.708.945 | 57.615.894.140 | |

Người lập biểu

Nguyễn Xuân Tân

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hà

Lập, ngày 18 tháng 03 năm 2022

Giám đốc



Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc nhóm Công ty

Trong năm, Nhóm Công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

5b. Danh sách Công ty con được hợp nhất

Công ty con được hợp nhất là Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai có trụ sở chính tại Cảng Tân Cảng Nhơn Trạch, ấp 3, xã Phú Thạnh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là hoạt động dịch vụ cảng biển. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 51,00%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|--|---|----------------------------|---------------|-------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành | 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh | Dịch vụ cảng biển | 36,00% | 36,00% | 36,00% |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 – Hải Phòng | Hạ Đoạn, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng | Dịch vụ cảng biển | 36,00% | 36,00% | 36,00% |
| Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn | 938/180 Nguyễn Thị Định, khu phố 3, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh | Dịch vụ cảng biển | 20,00% | 20,00% | 20,00% |

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của nhóm Công ty nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh chính của nhóm Công ty là lĩnh vực dịch vụ logistics, dịch vụ tại depot, xếp dỡ,... không chịu tác động đáng kể của dịch Covid-19. Trong năm, nhóm Công ty đã áp dụng phương án sản xuất "3 tại chỗ" từ ngày 23/8/2021 đến ngày 01/10/2021, nhằm ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh, do đó phát sinh thêm các chi phí vận hành. Nhìn chung, năm 2021 nhóm Công ty vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng tốt, hoàn thành vượt so với kế hoạch được giao. Ban Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của nhóm Công ty cũng như các ảnh hưởng đến tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Nhóm Công ty có 383 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 400 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty khác thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa công ty trong Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của nhóm Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Nhóm Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Nhóm Công ty chủ yếu là chi phí liên quan đến kho bãi như chi phí thuê đất, chi phí xây dựng kho bãi, chi phí lắp đặt thiết bị văn phòng và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí duy tu, nạo vét

Chi phí duy tu, nạo vét được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn 24 tháng.

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê.

Chi phí nội thất, chi phí hoàn thiện các hạng mục văn phòng

Chi phí nội thất, chi phí hoàn thiện các hạng mục văn phòng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn là 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 6 – 15 |
| Máy móc và thiết bị | 3 – 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 5 – 6 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 – 5 |
| Cây lâu năm | 2 |
| Tài sản cố định khác | 5 – 8 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Nhóm Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất còn lại.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Nhóm Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Nhóm Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Nhóm Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾ DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

16. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 218.690.663 | 439.927.567 |
| Tiền gửi ngân hàng | 12.127.875.166 | 19.344.587.007 |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống) | 18.864.143.116 | 37.831.379.566 |
| Cộng | <u>31.210.708.945</u> | <u>57.615.894.140</u> |

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|-------------------------------------|------------------------|-------------------------------------|
| | Giá gốc | Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | Cộng | Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành ⁽ⁱ⁾ | 54.000.000.000 | 22.384.212.090 | 76.384.212.090 | 54.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng ⁽ⁱⁱ⁾ | 33.120.000.000 | (7.331.953.586) | 25.788.046.414 | 33.120.000.000 |
| Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 10.000.000.000 | 886.824.635 | 10.886.824.635 | 10.000.000.000 |
| Cộng | 97.120.000.000 | 15.939.083.139 | 113.059.083.139 | 97.120.000.000 |

⁽ⁱ⁾ Tại ngày kết thúc năm tài chính, Nhóm Công ty sở hữu 5.400.000 cổ phần, tương đương 36% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành, không thay đổi so với số đầu năm.

⁽ⁱⁱ⁾ Tại ngày kết thúc năm tài chính, Nhóm Công ty sở hữu 3.312.000 cổ phần, tương đương 36% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng, không thay đổi so với số đầu năm.

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Tại ngày kết thúc năm tài chính, Nhóm Công ty sở hữu 1.000.000 cổ phần, tương đương 20% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn, không thay đổi so với số đầu năm.

Giá trị phần sở hữu của Nhóm Công ty tại các công ty liên kết như sau:

| | Giá trị phần sở hữu đầu năm | Phần lãi hoặc lỗ trong năm | Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm | Giá trị phần sở hữu cuối năm |
|--|-----------------------------|----------------------------|---------------------------------------|------------------------------|
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành | 74.096.426.460 | 14.167.785.630 | (11.880.000.000) | 76.384.212.090 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng | 25.076.176.735 | 711.869.679 | - | 25.788.046.414 |
| Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn | 10.308.474.780 | 578.349.855 | - | 10.886.824.635 |
| Cộng | 109.481.077.975 | 15.458.005.164 | (11.880.000.000) | 113.059.083.139 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Tình hình hoạt động của các Công ty liên kết*

Các Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các Công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty liên kết như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành | | |
| Công ty liên kết chia cổ tức | 11.880.000.000 | 11.880.000.000 |
| Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết | 4.735.577.325 | 6.115.723.585 |
| Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết | 263.281.125.762 | 239.068.473.795 |
| Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh | 7.399.222.938 | 9.901.471.531 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng | | |
| Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết | 3.148.992.000 | 4.109.405.391 |
| Công ty liên kết chia cổ tức | - | 3.968.000.000 |
| Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết | 1.694.043.963 | - |
| Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn | | |
| Nhận dịch vụ của Công ty liên kết | 146.921.943.748 | 31.164.084.917 |
| Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết | 156.554.582 | 44.768.500 |

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội | 14.666.980.000 | - | 14.666.980.000 | - |
| Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái | 11.812.500.000 | - | 11.812.500.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu | - | - | 1.600.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép | - | - | 6.400.000.000 | - |
| Cộng | 26.479.480.000 | - | 34.479.480.000 | - |

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

| <u>Tên Công ty</u> | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|-------------------------|---------------------|-------------------------|---------------------|
| | <u>Số lượng cổ phần</u> | <u>Tỷ lệ sở hữu</u> | <u>Số lượng cổ phần</u> | <u>Tỷ lệ sở hữu</u> |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (*) | 2.242.568 | | 1.645.959 | |
| Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái | 1.237.500 | 3,64% | 1.237.500 | 3,64% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu | - | - | 160.000 | 8,00% |
| Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép | - | - | 640.000 | 8,00% |

(*) Đây là khoản ủy thác đầu tư qua Công ty mẹ là Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, số lượng cổ phần tăng trong năm do được trả cổ tức bằng cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾ DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Giá trị hợp lý*

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính, chi tiết như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội | 64.810.215.200 | 37.857.057.000 |
| Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái | 41.456.250.000 | 38.362.500.000 |

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------|------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <i>190.331.718.018</i> | <i>120.246.971.484</i> |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 184.524.688.094 | 106.929.320.194 |
| Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng | 928.373.129 | 1.344.554.000 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng | 55.440.000 | 17.760.000 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng | 1.200.000 | |
| Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng | 913.401.167 | 1.199.376.325 |
| Công ty Cổ phần Cát Lái Đông Sài Gòn | 157.400.040 | 12.477.025 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng | 301.245.575 | 918.907.716 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước | 238.513.231 | 312.631.000 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng | 1.600.442.837 | 9.369.062.174 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu | 102.491.066 | 107.179.050 |
| Công ty TNHH Một thành viên Hoa Tiêu Tân Cảng | 132.268.007 | 7.792.400 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực | 98.144.872 | 22.116.600 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng | 1.273.840.000 | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng | 4.270.000 | 5.795.000 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | <i>27.579.233.421</i> | <i>21.629.398.374</i> |
| Cộng | 217.910.951.439 | 141.876.369.858 |

4. Phải thu khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | | - | <i>3.000.000.000</i> | - |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng - phải thu cổ tức | | - | 3.000.000.000 | - |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>10.316.473.694</i> | - | <i>12.198.109.565</i> | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu - Vốn góp hợp tác kinh doanh | | - | 375.000.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Hiệp Huy Hoàng - Vốn góp hợp tác kinh doanh | 375.000.000 | - | - | - |
| Phải thu tiền hợp doanh nhà văn phòng | | - | 168.831.149 | - |
| Thu chi hộ | 526.988.332 | - | 525.203.517 | - |
| Tạm ứng | 4.003.150.077 | - | 4.008.666.967 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ký cược, ký quỹ | 12.000.000 | - | 12.000.000 | - |
| Dự thu lãi tiền gửi | 1.632.832.526 | - | 2.514.006.500 | - |
| Các khoản phải thu người lao động | 3.358.391.249 | - | 3.666.937.507 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 408.111.510 | - | 927.463.925 | - |
| Cộng | 10.316.473.694 | - | 15.198.109.565 | - |

4b. Phải thu dài hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <i>231.000.000</i> | <i>-</i> | <i>231.000.000</i> | <i>-</i> |
| Công ty Cổ phần Cát Lái Đông Sài Gòn - Đặt cọc thuê bãi | 231.000.000 | - | 231.000.000 | - |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>21.743.320.400</i> | <i>-</i> | <i>21.743.320.400</i> | <i>-</i> |
| Đặt cọc cung cấp nước | 30.000.000 | - | 30.000.000 | - |
| Đặt cọc thuê văn phòng tòa nhà TCL | 2.000.000.000 | - | 2.000.000.000 | - |
| Đặt cọc sử dụng dịch vụ | 2.292.186.000 | - | 2.292.186.000 | - |
| Đặt cọc tiền thuê đất | 17.421.134.400 | - | 17.421.134.400 | - |
| Bà Bùi Thị Nở | 300.000.000 | - | 300.000.000 | - |
| Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hàng hải Hoàng Giang ⁽ⁱ⁾ | 15.000.000.000 | - | 15.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Vinacconnect ⁽ⁱⁱ⁾ | 2.121.134.400 | - | 2.121.134.400 | - |
| Cộng | 21.974.320.400 | - | 21.974.320.400 | - |

- (i) Là khoản đặt cọc tiền để thuê bãi của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hàng hải Hoàng Giang theo hợp đồng số 72/TCL-KHKD-2020 ngày 02 tháng 01 năm 2020, số tiền 15.000.000.000 VND. Thời hạn hợp đồng đến ngày 31 tháng 10 năm 2023, thời hạn hoàn trả tiền cọc sau khi thanh lý hợp đồng.
- (ii) Đặt cọc thuê mặt bằng cho công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Vinacconnect số tiền tương ứng với 03 tháng tiền thuê đất để sử dụng đất hợp pháp với lô đất A1 đường K1, KCN Cát Lái – Cụm II, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn thuê là 03 năm, từ 21 tháng 4 năm 2020. Khoản đặt cọc sẽ được căn trừ vào tiền thuê của 06 tháng cuối cùng của hợp đồng.

5. Hàng tồn kho

Là nguyên liệu, vật liệu tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước

6a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí bảo hiểm | 324.997.558 | 354.324.971 |
| Phí sử dụng đường bộ | 245.401.561 | 349.279.090 |
| Công cụ dụng cụ | 1.292.553.127 | 810.351.470 |
| Chi phí khác | 177.390.294 | 1.215.781.944 |
| Cộng | <u>2.040.342.540</u> | <u>2.729.737.475</u> |

6b. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Thời gian phân bổ</u> | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nạo vét, duy tu bến gao và Tân Cảng Nhân Trạch | 24 tháng | 389.796.136 | 6.068.854.251 |
| Chi phí thuê đất Depot Tân Cảng Mỹ Thủy | 41 tháng | 2.926.829.269 | 4.523.281.597 |
| Chi phí thuê cơ sở hạ tầng Tân Cảng Nhơn Trạch | 96 tháng | 8.959.090.876 | 13.438.636.336 |
| Chi phí nội thất, chi phí hoàn thiện các hạng mục văn phòng | 36 tháng | 1.292.583.899 | 3.311.415.601 |
| Công cụ dụng cụ | | 1.590.512.788 | 3.229.166.075 |
| Chi phí khác | | 3.564.999.925 | 3.459.509.191 |
| Cộng | | <u>18.723.812.893</u> | <u>34.030.863.051</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

| Nguyên giá | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cây lâu năm | Tài sản cố định khác | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|-------------------|----------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 261.188.623.805 | 557.924.732.501 | 57.425.324.593 | 2.950.280.963 | 80.000.000 | 1.828.755.629 | 881.397.717.491 |
| Mua trong năm | - | 46.335.000 | 867.560.000 | 50.900.000 | - | 156.500.000 | 1.121.295.000 |
| Số cuối năm | 261.188.623.805 | 557.971.067.501 | 58.292.884.593 | 3.001.180.963 | 80.000.000 | 1.985.255.629 | 882.519.012.491 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 7.059.074.306 | 181.468.285.502 | 5.671.724.601 | 2.056.113.590 | 80.000.000 | 103.082.902 | 196.438.280.901 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | | | |
| Số đầu năm | 84.687.222.484 | 437.009.329.018 | 30.642.200.923 | 2.250.801.235 | 80.000.000 | 532.833.769 | 555.202.387.429 |
| Khấu hao trong năm | 11.613.346.354 | 15.710.351.169 | 7.319.312.624 | 431.777.561 | - | 278.242.771 | 35.353.030.479 |
| Số cuối năm | 96.300.568.838 | 452.719.680.187 | 37.961.513.547 | 2.682.578.796 | 80.000.000 | 811.076.540 | 590.555.417.908 |
| Giá trị còn lại | | | | | | | |
| Số đầu năm | 176.501.401.321 | 118.110.005.777 | 29.588.521.376 | 699.479.728 | - | 1.295.921.860 | 326.195.330.062 |
| Số cuối năm | 164.888.054.967 | 105.251.387.314 | 20.331.371.046 | 318.602.167 | - | 1.174.179.089 | 291.963.594.583 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo số sách là 101.973.067.686 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

| | Quyền sử dụng đất (*) | Chương trình phần mềm máy tính | Cộng |
|---------------------------------------|--------------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 27.991.682.391 | 580.229.000 | 28.571.911.391 |
| Số cuối năm | 27.991.682.391 | 580.229.000 | 28.571.911.391 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 580.229.000 | 580.229.000 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 3.116.720.915 | 548.869.427 | 3.665.590.342 |
| Khấu hao trong năm | 705.672.660 | 31.359.573 | 737.032.233 |
| Số cuối năm | 3.822.393.575 | 580.229.000 | 4.402.622.575 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 24.874.961.476 | 31.359.573 | 24.906.321.049 |
| Số cuối năm | 24.169.288.816 | - | 24.169.288.816 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

(*) Là quyền sử dụng đất tại phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 2; thời hạn sử dụng đến ngày 30 tháng 8 năm 2055. Quyền sử dụng đất này đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

9. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 127.623.096.583 | 89.516.325.538 |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | - | 49.944.000 |
| Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng | - | 485.100 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng | 239.405.500 | 2.515.373.800 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng | 4.124.152.820 | 3.234.079.013 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng | 7.271.464.486 | 7.583.613.489 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành | 83.299.963.649 | 61.269.078.146 |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng | 297.818.360 | 211.798.700 |
| Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC | - | 72.800.000 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng | 6.224.919.547 | 3.256.294.054 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực | 7.326.290 | 617.178.320 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh | - | 13.230.000 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu | - | 112.995.300 |
| Công ty Cổ phần Tiếp Vận Tân Cảng Hiệp Phước | - | 14.952.198 |
| Công ty Cổ phần Bay và Du lịch Biển Tân Cảng | 15.000.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------|------------------------|
| Công ty TNHH Tân Cảng HMM | 8.712.000 | 2.388.000 |
| Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn | 26.134.333.931 | 9.595.959.018 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Vũng Tàu | - | 966.156.400 |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 39.064.727.856 | 80.807.236.056 |
| Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hàng hải Hoàng Giang | 189.362.556 | 33.548.640.462 |
| Các nhà cung cấp khác | 38.875.365.300 | 47.258.595.594 |
| Cộng | 166.687.824.439 | 170.323.561.594 |

Nhóm Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phát sinh trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--|----------------------|--|-----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 162.413.546 | 2.846.317.200 (2.879.422.988) | 129.307.758 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 7.613.366.849 | 26.918.009.388 (23.300.692.680) | 11.230.683.557 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hệ bên liên doanh | 1.664.776.795 | 2.339.882.169 (4.004.658.964) | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 515.847.715 | 6.451.399.742 (6.671.002.804) | 296.244.653 |
| Thuế môn bài | - | 6.000.000 (6.000.000) | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 148.822.105 (91.420.877) | 57.401.228 |
| Cộng | 9.956.404.905 | 38.710.430.604 (36.953.198.313) | 11.713.637.196 |

Thuế giá trị gia tăng

Nhóm Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho tiền bán nước là 5%, dịch vụ khác là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nhóm Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Nhóm Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Nhóm Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Chi phí phải trả ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|--------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 1.881.932.853 | 472.582.400 |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 1.881.932.853 | 472.582.400 |
| Chi phí sử dụng đất quốc phòng | 472.582.400 | 472.582.400 |
| Chi phí nâng hạ, vận chuyển | 1.409.350.453 | - |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 2.178.014.037 | 60.832.983 |
| Chi phí xếp dỡ, lưu bãi | 2.134.001.380 | - |
| Chi phí lãi vay phải trả | 44.012.657 | 60.832.983 |
| Cộng | 4.059.946.890 | 533.415.383 |

12. Phải trả khác**12a. Phải trả ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 15.037.371.002 | 16.315.966.791 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành ⁽ⁱ⁾ | 13.399.222.938 | 15.901.471.531 |
| - Vốn góp hợp tác kinh doanh | 6.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| - Phải trả lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh | 7.399.222.938 | 9.901.471.531 |
| Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng - lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh ⁽ⁱⁱ⁾ | 1.638.148.064 | 414.495.260 |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 10.981.426.251 | 10.321.198.208 |
| Kinh phí công đoàn | 786.785.259 | 736.196.209 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 768.949.705 | 803.519.461 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 3.102.883.190 | 3.804.743.190 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One - Lợi nhuận từ Hợp tác kinh doanh | 646.937.416 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu | - | 1.161.436.784 |
| Phải trả Công ty Hiệp Huy Hoàng phí dịch vụ của hợp doanh ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 4.138.019.888 | 2.617.389.836 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 1.537.850.793 | 1.197.912.728 |
| Cộng | 26.018.797.253 | 26.637.164.999 |

12b. Phải trả dài hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 18.750.000.000 | 18.750.000.000 |
| Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng - Vốn góp hợp tác kinh doanh ⁽ⁱⁱ⁾ | 18.750.000.000 | 18.750.000.000 |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 19.018.090.504 | 18.468.090.504 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One - Vốn góp hợp tác kinh doanh ⁽ⁱⁱ⁾ | 12.500.000.000 | 12.500.000.000 |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 6.518.090.504 | 5.968.090.504 |
| Cộng | 37.768.090.504 | 37.218.090.504 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin bổ sung về các hợp đồng hợp tác kinh doanh:

- (i) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 490/HĐ-GNVT-KHKD ngày 30 tháng 5 năm 2014, Biên bản thỏa thuận tăng vốn ngày 25 tháng 5 năm 2016 và các thỏa thuận bổ sung về hợp tác kinh doanh khai thác bãi Container và các dịch vụ liên quan đến xếp dỡ container hàng imo, cont tank tại Depot 6 – Cảng Cát Lái, 3 bên tham gia gồm: Công ty góp 7.500.000.000 VND tương đương 50%; Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành góp 6.000.000.000 VND tương đương 40%; Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai góp 1.500.000.000 VND, tương đương 10%. Thời hạn hợp tác được tự động gia hạn theo thời hạn thuê bãi hàng năm.
- (ii) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 612/2015/TCL-HT-TT ngày 26 tháng 10 năm 2015 và Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 10 tháng 01 năm 2017 về việc hợp tác kinh doanh để thực hiện dự án “nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư xây dựng, khai thác tòa nhà văn phòng làm việc” tại phường Mỹ Thạnh Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, 3 bên tham gia gồm: Công ty góp 50%; Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng góp 30% và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One (nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Thủ Thiêm) góp 20% tổng vốn đầu tư của dự án. Công ty là bên đại diện cho hợp doanh. Thời hạn của hợp đồng là 50 năm.
- (iii) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 399/HĐ-TCL-KHKD ngày 01 tháng 10 năm 2020 về hợp tác khai thác bãi container và các dịch vụ liên quan đến container của hãng tàu ONE và KMTC tại Depot Tân Cảng Mỹ Thủy thuộc Khu công nghiệp Cát Lái 2, 2 bên tham gia gồm: Công ty (bên B) và Công ty TNHH Một thành viên Hiệp Huy Hoàng (Bên A). Trong đó, Bên A là bên đại diện hợp doanh, Bên B là bên quản lý, điều hành hoạt động của hợp doanh và được trả phí. Tổng vốn hoạt động là 1.500.000.000 VND, trong đó, Bên A góp 1.125.000.000 VND (75%), Bên B góp 375.000.000 VND (25%). Công ty là bên quản lý, điều hành hoạt động của hợp doanh, chịu trách nhiệm xuất hóa đơn và thu tiền từ khách hàng, sau đó chuyển trả lại Bên A phần phân chia cho hợp doanh (được xác định theo tỷ lệ % tiền thu từ khách hàng tùy theo từng loại dịch vụ). Thời hạn hợp đồng đến 01/10/2021 sẽ tự động gia hạn nếu không có điều chỉnh, bổ sung trước ngày hết hạn hợp đồng.

12c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Nhóm Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

13. Vay

13a. Vay

Vay ngắn hạn chỉ bao gồm vay dài hạn đến hạn trả các ngân hàng (xem thuyết minh số V.14b).

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | <u>Năm nay</u> |
|---------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 7.249.712.000 |
| Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | 7.249.712.000 |
| Số tiền vay đã trả | <u>(7.249.712.000)</u> |
| Số cuối năm | <u>7.249.712.000</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13b. Vay dài hạn**

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng ngày 24/01/2018, để đầu tư dự án: "Nhận quyền chuyển nhượng QSDĐ và Đầu tư xây dựng khai thác tòa nhà làm việc" tại lô 11, khu dân cư số 1, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn khoản vay đến ngày 27 tháng 03 năm 2026. Các khoản vay phải hoàn trả theo 28 lần hoàn trả bằng nhau vào mỗi quý bắt đầu vào tháng thứ 15 kể từ ngày rút vốn lần đầu. Lãi suất thả nổi, được xác định thời điểm giải ngân.. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và công trình hình thành trên đất tại thửa đất số 471, tờ bản đồ số 22, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Lãi suất áp dụng trong năm 2021 là 8,69%.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------|------------------------------|------------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 7.249.712.000 | 7.249.712.000 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 23.560.836.252 | 28.998.848.000 |
| Trên 5 năm | - | 1.811.700.252 |
| Cộng | <u>30.810.548.252</u> | <u>38.060.260.252</u> |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 30.810.548.252 | 33.821.273.670 |
| Số tiền vay phát sinh | - | 8.448.343.138 |
| Số tiền vay đã trả | - | (4.209.356.556) |
| Kết chuyển sang vay ngắn hạn | (7.249.712.000) | (7.249.712.000) |
| Số cuối năm | <u>23.560.836.252</u> | <u>30.810.548.252</u> |

13c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Nhóm Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Tăng khác (*)</u> | <u>Chi quỹ trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|-----------------------------------|------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------------|-----------------------------|
| Quỹ khen thưởng | 6.238.291.308 | 9.747.760.636 | 139.000.000 | (14.100.000.378) | 2.025.051.566 |
| Quỹ phúc lợi | 4.412.982.574 | 9.746.326.974 | - | (10.380.672.190) | 3.778.637.358 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 550.000.000 | 550.000.000 | - | (550.000.000) | 550.000.000 |
| Cộng | <u>11.201.273.882</u> | <u>20.044.087.610</u> | <u>139.000.000</u> | <u>(25.030.672.568)</u> | <u>6.353.688.924</u> |

(*) Là khoản tiền khen thưởng từ đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu

15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| Năm trước | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | Quý đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Cộng |
|-------------------------------|---------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-----------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm | 301.584.360.000 | 20.712.126.338 | 1.512.000.000 | 36.569.297.316 | 393.479.306.111 | 22.215.597.453 | 776.072.687.218 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 99.449.133.986 | 1.029.515.095 | 100.478.649.081 |
| Chia cổ tức Công ty mẹ | - | - | - | - | (211.109.052.000) | - | (211.109.052.000) |
| Trích lập các quỹ Công ty mẹ | - | - | - | 10.368.900.130 | (38.326.189.702) | - | (27.957.289.572) |
| Trích lập các quỹ Công ty con | - | - | - | 107.172.671 | (170.959.895) | (61.274.866) | (125.062.090) |
| Số dư cuối năm | 301.584.360.000 | 20.712.126.338 | 1.512.000.000 | 47.045.370.117 | 243.322.238.500 | 23.183.837.682 | 637.359.932.637 |

Năm nay

| | | | | | | | |
|---|------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm | 301.584.360.000 | 20.712.126.338 | 1.512.000.000 | 47.045.370.117 | 243.322.238.500 | 23.183.837.682 | 637.359.932.637 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 113.456.462.745 | 14.048.608 | 113.470.511.353 |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | (150.792.180.000) | (881.920.000) | (151.674.100.000) |
| Trích lập các quỹ Công ty mẹ | - | - | - | 33.448.134.791 | (53.490.788.739) | - | (20.042.653.948) |
| Trích lập các quỹ Công ty con | - | - | - | 1.462.462 | (2.193.693) | (702.431) | (1.433.662) |
| Trích thường Ban quản trị hợp doanh Công ty con | - | - | - | - | (10.200.889) | (9.799.111) | (20.000.000) |
| Trích thường Ban quản trị hợp doanh Công ty mẹ | - | - | - | - | (100.000.000) | - | (100.000.000) |
| Số dư cuối năm | 301.584.360.000 | 20.712.126.338 | 1.512.000.000 | 80.494.967.370 | 152.383.337.924 | 22.305.464.748 | 578.992.256.380 |

15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Các cổ đông khác | 153.812.730.000 | 153.812.730.000 |
| Cộng | 147.771.630.000 | 147.771.630.000 |
| | 301.584.360.000 | 301.584.360.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15c. Cổ phiếu**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành | 30.158.436 | 30.158.436 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành | 30.158.436 | 30.158.436 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại | - | - |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 30.158.436 | 30.158.436 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

15d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 291/NQ-ĐHĐCĐTN 2021 ngày 15 tháng 6 năm 2021:

VND

Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước

- Chia cổ tức cho các cổ đông : 150.792.180.000

Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế trong năm nay

- Trích quỹ đầu tư phát triển (30% LNST) : 33.448.134.791
- Trích quỹ khen thưởng (12,5% quỹ lương thực hiện của NLD) : 9.746.326.974
- Trích quỹ phúc lợi (12,5% quỹ lương thực hiện của NLD) : 9.746.326.974
- Trích quỹ Ban điều hành : 550.000.000
- Trích thưởng Ban điều hành quản trị hợp doanh : 100.000.000

Công ty con đã thông qua phân phối lợi nhuận năm 2020 và tạm trích các quỹ năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

VND

- Chia cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận năm trước : 1.800.000.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển (10% Lợi nhuận sau thuế) : 2.867.323
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% Lợi nhuận sau thuế) : 1.433.662
- Trích thưởng Ban quản trị hợp doanh : 20.000.000

16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 65,34 USD (số đầu năm là 65,34 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Doanh thu dịch vụ vận tải, xếp dỡ | 340.260.487.447 | 281.837.497.795 |
| Doanh thu dịch vụ Depot | 766.900.008.683 | 638.762.254.795 |
| Doanh thu khác | 78.565.174.080 | 169.191.910.563 |
| Cộng | <u>1.185.725.670.210</u> | <u>1.089.791.663.153</u> |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Nhóm Công ty còn phát sinh các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------|------------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 690.931.132.222 | 681.483.013.126 |
| Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng | 2.522.325.181 | 2.797.309.362 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng | 8.952.197.672 | 2.703.239.392 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng | 379.594.544 | 292.718.183 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng | 3.866.000 | 133.307.272 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu | 762.465.376 | 760.311.500 |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng | - | 446.945.815 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực | 311.004.122 | 49.383.000 |
| Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng - Hiệp Phước | 413.113.698 | 369.686.363 |
| Công ty Cổ phần M&R Tân Cảng | - | 86.925.098 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh | - | 30.000.000 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng | 2.631.666.419 | 1.863.430.074 |
| Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng | 2.372.632.143 | 5.142.805.150 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép | 15.163.636 | 14.463.636 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng | 6.654.545 | 16.913.636 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái | - | 450.209.090 |
| Công ty Cổ phần Texhong Tiếp vận Tân Cảng | 18.372.727 | - |

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của dịch vụ đã cung cấp.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 7.273.093.829 | 13.828.605.884 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 2.722.500.000 | 2.722.500.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | - | 653 |
| Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác | 38.371.818 | - |
| Cộng | <u>10.033.965.647</u> | <u>16.551.106.537</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay | 1.532.404.369 | 2.167.362.300 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 21.562 | 7.841 |
| Cộng | <u>1.532.425.931</u> | <u>2.167.370.141</u> |

5. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí hoa hồng | 19.265.805.127 | 7.379.967.303 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.839.433.500 | 1.345.411.130 |
| Các chi phí khác | 3.098.371.000 | 2.166.657.540 |
| Cộng | <u>25.203.609.627</u> | <u>10.892.035.973</u> |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 34.430.962.745 | 32.560.092.769 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 83.899.960 | - |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 2.268.052.073 | 2.964.276.121 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 880.581.905 | 1.016.576.613 |
| Thuế, phí và lệ phí | 136.524.988 | 219.207.517 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | - | 258.550.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 8.469.346.859 | 10.008.489.278 |
| Các chi phí khác | 15.492.031.759 | 14.025.696.801 |
| Cộng | <u>61.761.400.289</u> | <u>61.052.889.099</u> |

7. Lãi trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ | 113.456.462.745 | 99.449.133.986 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | (20.153.586.068) | (18.504.651.585) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ BDH Công ty mẹ | (20.042.653.948) | (18.351.065.250) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty con | (731.231) | (53.586.335) |
| Trích thưởng BQT hợp doanh Công ty mẹ | (100.000.000) | (100.000.000) |
| Trích thưởng BQT hợp doanh Công ty con | (10.200.889) | (10.200.889) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 93.302.876.677 | 80.934.281.512 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm/kỳ | 30.158.436 | 30.158.436 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | <u>3.094</u> | <u>2.684</u> |

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 56.829.815.068 | 50.761.567.626 |
| Chi phí nhân công | 105.817.826.232 | 105.037.970.165 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định (*) | 34.626.408.198 | 57.267.416.164 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài (**) | 825.279.892.101 | 733.880.792.637 |
| Chi phí khác | 46.544.412.436 | 37.708.875.216 |
| Cộng | <u>1.069.098.354.035</u> | <u>984.656.621.808</u> |

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------|------------------------|
| (*) Tổng số khấu hao đã trích trong năm (thuyết minh V.9, V.10): | 36.090.062.712 | 58.775.170.448 |
| Khấu hao phân chia các bên hợp tác kinh doanh | <u>(1.463.654.514)</u> | <u>(1.507.754.284)</u> |
| Chi phí khấu hao của Nhóm Công ty | <u>34.626.408.198</u> | <u>57.267.416.164</u> |

(ii) Chi phí dịch vụ mua ngoài tăng chủ yếu do chi phí sửa chữa và chi phí dịch vụ tại Depot.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty đã trả cổ tức cho Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn thông qua việc bù trừ công nợ, số tiền 76.906.365.000 VND (số năm trước 107.668.911.000 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

| | Tiền lương | Thưởng | Thù lao | Cộng thu nhập |
|---|----------------------|--------------------|--------------------|----------------------|
| <i>Năm nay</i> | | | | |
| Lê Hoàng Linh - Chủ tịch HĐQT | 996.883.854 | 41.111.145 | 96.000.000 | 1.133.994.999 |
| Võ Đắc Thiệu - Ủy viên HĐQT | - | 45.306.160 | 60.000.000 | 105.306.160 |
| Nguyễn Xuân Bình - Ủy viên HĐQT | | 45.306.160 | 60.000.000 | 105.306.160 |
| Hoàng Đức Thịnh - Ủy viên HĐQT (từ tháng 6/2021) | - | - | 30.000.000 | 30.000.000 |
| Lê Văn Cường- Ủy viên HĐQT/ Giám đốc | 939.261.229 | 60.408.213 | 60.000.000 | 1.059.669.442 |
| Nguyễn Văn Uẩn- Phó Chủ tịch HĐQT (đến tháng 6/2021) | 155.576.937 | 60.408.212 | 39.000.000 | 254.985.149 |
| Vũ Thị Lan Anh – Trưởng BKS (đến tháng 6/2021) | - | 45.306.160 | 30.000.000 | 75.306.160 |
| Phạm Văn Phương – Trưởng BKS (từ tháng 6/2021) | - | - | 30.000.000 | 30.000.000 |
| Phạm Kim Oanh – Thành viên BKS (đến tháng 6/2021) | - | 30.204.107 | 15.000.000 | 45.204.107 |
| Lê Thị Kim Chung – Thành viên BKS (từ tháng 6/2021) | - | - | 15.000.000 | 15.000.000 |
| Nguyễn Thị Nhu – Thành viên BKS | 548.940.290 | 30.204.107 | 30.000.000 | 609.144.397 |
| Đặng Thanh Sơn – Phó Giám đốc | 756.070.229 | 45.306.160 | - | 801.376.389 |
| Phạm Văn Hùng– Phó Giám đốc | 818.727.763 | 45.306.160 | - | 864.033.923 |
| Châu Thanh Hải– Phó Giám đốc (từ tháng 2/2021) | 445.538.195 | - | - | 445.538.195 |
| Nguyễn Văn Hòa– Phó Giám đốc (từ tháng 12/2021) | 6.978.505 | - | - | 6.978.505 |
| Phạm Thị Thu Hà – Kế toán trưởng | 582.916.104 | 30.204.107 | - | 613.120.211 |
| Cộng | 5.250.893.107 | 479.070.691 | 465.000.000 | 6.194.963.798 |
| <i>Năm trước</i> | | | | |
| Lê Hoàng Linh - Chủ tịch HĐQT (từ tháng 5/2020) | 331.721.335 | - | 56.000.000 | 387.721.335 |
| Ngô Minh Thuận - Chủ tịch HĐQT (đến tháng 5/2020) | - | 66.135.747 | 40.000.000 | 106.135.747 |
| Nguyễn Văn Uẩn- Phó Chủ tịch HĐQT /Giám đốc (đến tháng 2/2020) | 701.326.047 | 66.135.747 | 78.000.000 | 845.461.794 |
| Võ Đắc Thiệu - Ủy viên HĐQT | - | 42.515.837 | 60.000.000 | 102.515.837 |
| Nguyễn Xuân Bình - Ủy viên HĐQT | - | 42.515.837 | 60.000.000 | 102.515.837 |
| Lê Văn Cường- Ủy viên HĐQT/ Giám đốc (từ tháng 2/2020) | 695.576.678 | 42.515.837 | 60.000.000 | 798.092.515 |
| Vũ Thị Lan Anh – Trưởng BKS | - | 42.515.837 | 60.000.000 | 102.515.837 |
| Nguyễn Thị Nhu – Thành viên BKS | 537.804.467 | 28.343.891 | 30.000.000 | 596.148.358 |
| Phạm Kim Oanh – Thành viên BKS | - | 28.343.891 | 30.000.000 | 58.343.891 |
| Lê Đặng Quỳnh Nghi – Phó Giám đốc (đến tháng 11/2020) | 792.492.381 | 42.515.837 | - | 835.008.218 |
| Đặng Thanh Sơn – Phó Giám đốc | 671.428.767 | 42.515.837 | - | 713.944.604 |
| Phạm Văn Hùng – Phó Giám đốc | 749.505.021 | 38.972.851 | - | 788.477.872 |
| Phạm Thị Thu Hà – Kế toán trưởng | 445.060.259 | 2.361.992 | 24.000.000 | 471.422.251 |
| Cộng | 4.948.914.955 | 485.389.141 | 474.000.000 | 5.908.304.096 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Nhóm Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

| | |
|---|-----------------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn | Công ty liên kết |
| Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng – STC | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Phú Hữu | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Đồng Văn Hà Nam | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty TNHH Mọi thành viên Hoa Tiêu Tân Cảng | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng | Công ty cùng Tập đoàn |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Nhóm Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan khác như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------|-----------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | | |
| Sử dụng dịch vụ của Công ty mẹ | 11.479.588.568 | 16.249.071.051 |
| Cổ tức trả cho Công ty mẹ | 76.906.365.000 | 107.668.911.000 |
| Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái | | |
| Cổ tức được chia | 2.722.500.000 | 2.722.500.000 |
| Sử dụng dịch vụ của các đơn vị | | |
| Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng | 6.083.206.366 | 12.256.652.636 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng | 9.805.481.700 | 10.658.133.482 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng | 31.060.861.074 | 30.588.349.342 |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng | 1.227.273.100 | 1.910.449.300 |
| Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng – STC | 70.892.955 | 149.100.000 |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng | - | 715.753.964 |
| Công ty Cổ phần M&R Tân Cảng | - | 783.365.370 |
| Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh | 121.983.272 | 13.966.363 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu | 251.218.000 | 347.674.000 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước | 111.429.456 | 745.123.455 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực | 1.981.502.642 | 1.186.124.600 |
| Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng | 41.994.454 | 84.574.273 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung | - | - |
| Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM | 62.032.728 | 79.129.092 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng | 30.084.176.260 | 16.269.358.442 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Vũng Tàu | 505.548.000 | 160.594.400 |
| Công ty Cổ phần Bay và Du lịch Biển Tân Cảng | 216.727.279 | - |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái | 40.600.000 | - |

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.9, V.11, và V.12.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Nhóm Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ bốc xếp, thực hiện trên địa bàn khu vực Cảng Cát Lái, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Nguyễn Xuân Tân

Phạm Thị Thu Hà

Lê Văn Cường

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ
GIAO NHẬN VẬN TẢI
XẾP DỠ TÂN CẢNG**

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|--------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 - 3 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 - 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 13 - 39 |



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103006182, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 12 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó thay đổi lần thứ 12 ngày 08 tháng 3 năm 2021 do thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 73073979
- Fax : 028 37423027

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|----------------------|--------------|---------------------------------------|
| Ông Lê Hoàng Linh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020 |
| Ông Nguyễn Văn Uẩn | Phó Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021 |
| Ông Võ Đắc Thiệu | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017 |
| Ông Nguyễn Xuân Bình | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017 |
| Ông Lê Văn Cường | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Hoàng Đức Thịnh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021 |

Ban Kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|---------------------|------------|-------------------------------------|
| Ông Phạm Văn Phượng | Trưởng ban | Bổ nhiệm 15 tháng 6 năm 2021 |
| Bà Vũ Thị Lan Anh | Trưởng ban | Miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021 |
| Bà Nguyễn Thị Nhu | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017 |
| Bà Lê Thị Kim Chung | Ủy viên | Bổ nhiệm 15 tháng 6 năm 2021 |
| Bà Phạm Kim Oanh | Ủy viên | Miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|--------------------|----------------|---------------------------|
| Ông Lê Văn Cường | Giám đốc | Ngày 26 tháng 2 năm 2020 |
| Ông Đặng Thanh Sơn | Phó Giám đốc | Ngày 01 tháng 8 năm 2017 |
| Ông Phạm Văn Hùng | Phó Giám đốc | Ngày 31 tháng 01 năm 2019 |
| Ông Châu Thanh Hải | Phó Giám đốc | Ngày 08 tháng 2 năm 2021 |
| Ông Nguyễn Văn Hòa | Phó Giám đốc | Ngày 30 tháng 11 năm 2021 |
| Bà Phạm Thị Thu Hà | Kế toán trưởng | Ngày 19 tháng 11 năm 2019 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Lê Văn Cường (bổ nhiệm ngày 26 tháng 2 năm 2020).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Lê Văn Cường

Ngày 18 tháng 3 năm 2022

| | | |
|---------------------|---|--------------------|
| Head Office | : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 | kttv@a-c.com.vn |
| Branch in Hà Nội | : 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 | kttv.hn@a-c.com.vn |
| Branch in Nha Trang | : Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 | kttv.nt@a-c.com.vn |
| Branch in Cần Thơ | : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 | kttv.ct@a-c.com.vn |

Số: 2.0205/22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2022, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa – Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4028-2022-008-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 368.758.534.760 | 378.056.665.576 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 25.601.182.616 | 55.389.983.563 |
| 1. Tiền | 111 | | 7.601.182.616 | 18.395.084.235 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 18.000.000.000 | 36.994.899.328 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 118.000.000.000 | 172.400.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 118.000.000.000 | 172.400.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 216.238.291.318 | 144.707.022.681 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 213.505.984.561 | 136.245.646.014 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 292.097.235 | 845.552.920 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4a | 2.577.396.191 | 7.753.010.416 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | (137.186.669) | (137.186.669) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 7.039.432.145 | 5.512.651.000 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.5 | 7.039.432.145 | 5.512.651.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.879.628.681 | 47.008.332 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.6a | 59.245.000 | - |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 1.820.383.681 | 47.008.332 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 471.150.765.021 | 517.709.801.970 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 21.682.134.400 | 21.682.134.400 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.4b | 21.682.134.400 | 21.682.134.400 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 292.109.073.362 | 318.127.366.754 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V7 | 267.939.784.546 | 293.221.045.705 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 817.182.010.227 | 816.060.715.227 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (549.242.225.681) | (522.839.669.522) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.8 | 24.169.288.816 | 24.906.321.049 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 28.571.911.391 | 28.571.911.391 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (4.402.622.575) | (3.665.590.342) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 2.518.730.741 | 2.102.947.105 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 2.518.730.741 | 2.102.947.105 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.2b | 137.707.526.413 | 144.995.656.735 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 21.440.000.000 | 21.440.000.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 97.120.000.000 | 97.120.000.000 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 26.479.480.000 | 34.479.480.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (7.331.953.587) | (8.043.823.265) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 17.133.300.105 | 30.801.696.976 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.6b | 17.133.300.105 | 30.801.696.976 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 839.909.299.781 | 895.766.467.546 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 308.273.566.052 | 304.689.682.506 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 246.944.639.296 | 236.661.043.750 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.9 | 165.309.681.934 | 163.635.445.016 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 479.652.030 | 365.483.000 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.10 | 11.446.737.729 | 9.564.246.267 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 23.418.528.535 | 15.463.617.218 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.11 | 4.059.946.890 | 533.415.383 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.12a | 28.669.043.879 | 28.714.504.115 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.13a | 7.249.712.000 | 7.249.712.000 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.14 | 6.311.336.299 | 11.134.620.751 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 61.328.926.756 | 68.028.638.756 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.12b | 37.768.090.504 | 37.218.090.504 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.13b | 23.560.836.252 | 30.810.548.252 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)


| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 531.635.733.729 | 591.076.785.040 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.15 | 531.635.733.729 | 591.076.785.040 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 301.584.360.000 | 301.584.360.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 301.584.360.000 | 301.584.360.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 20.712.126.338 | 20.712.126.338 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 80.344.430.827 | 46.896.296.036 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 128.994.816.564 | 221.884.002.666 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 71.091.822.666 | 221.884.002.666 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 57.902.993.898 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 839.909.299.781 | 895.766.467.546 |

Người lập biểu



Nguyễn Xuân Tân

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thu Hà

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2022

Giám đốc



Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số tiền | |
|--|-------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 1.153.230.883.922 | 1.064.644.295.165 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 1.153.230.883.922 | 1.064.644.295.165 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 956.134.002.384 | 898.203.993.474 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 197.096.881.538 | 166.440.301.691 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 22.798.166.445 | 32.359.603.862 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 820.556.253 | 10.040.452.996 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 1.532.404.369 | 1.996.621.890 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 24.893.116.127 | 10.878.627.773 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 56.051.767.428 | 53.602.730.815 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 138.129.608.175 | 124.278.093.969 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 6.227.287 | 696.930.696 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 192.019.871 | 78.561.724 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (185.792.584) | 618.368.972 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 137.943.815.591 | 124.896.462.941 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.10 | 26.450.032.954 | 21.207.461.646 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>111.493.782.637</u> | <u>103.689.001.295</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.7 | - | - |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.7 | - | - |

Người lập biểu

Nguyễn Xuân Tân

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hà

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2022

Giám đốc



Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-----------|----------------|-------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 137.943.815.591 | 124.896.462.941 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.7, 8 | 25.675.933.878 | 48.599.975.708 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | VI.4 | (711.869.678) | 8.043.823.265 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.4 | 21.562 | 7.841 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (22.759.794.627) | (33.029.421.389) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 1.532.404.369 | 1.996.621.890 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 141.680.511.095 | 150.507.470.256 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (154.096.681.239) | (49.878.958.391) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (1.526.781.145) | (2.394.451.483) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 12.943.095.714 | 27.883.953.875 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 13.609.151.871 | 1.227.902.154 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (1.549.224.695) | (2.005.218.234) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.10 | (22.823.793.830) | (20.451.532.325) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | V.14 | 139.000.000 | 433.000.000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.14 | (25.004.938.400) | (21.479.984.175) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (36.629.660.629) | 83.842.181.677 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (1.537.078.636) | (38.037.852.517) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 669.818.180 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (31.400.000.000) | (145.900.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 85.800.000.000 | 104.000.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 8.000.000.000 | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 26.645.466.880 | 28.856.152.542 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 87.508.388.244 | (50.411.881.795) |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Năm nay | | Năm trước | |
|--|-------------------|------------|-------------------------|-----------|--------------------------|
| | | | | | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | | 8.448.343.138 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.13 | (7.249.712.000) | | (10.651.356.556) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (73.417.795.000) | | (102.834.433.530) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (80.667.507.000) | | (105.037.446.948) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (29.788.779.385) | | (71.607.147.066) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 55.389.983.563 | | 126.997.138.470 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (21.562) | | (7.841) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 25.601.182.616 | | 55.389.983.563 |

Người lập biểu



Nguyễn Xuân Tân

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thu Hà



Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2022

Giám đốc

Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai có trụ sở chính tại Cảng Tân Cảng Nhơn Trạch, ấp 3, xã Phú Thạnh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là Dịch vụ cảng biển. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 51%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các công ty liên doanh, liên kết

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|--|--|----------------------------|---------------|-------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành | 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh | Dịch vụ cảng biển | 36,00% | 36,00% | 36,00% |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 – Hải Phòng | Hạ Đoạn, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng | Dịch vụ cảng biển | 36,00% | 36,00% | 36,00% |
| Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn | 938/180 Nguyễn Thị Định, khu phố 3, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh | Dịch vụ cảng biển | 20,00% | 20,00% | 20,00% |

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là lĩnh vực dịch vụ logistics, dịch vụ tại depot, xếp dỡ,... không chịu tác động đáng kể của dịch Covid-19. Trong năm, Công ty đã áp dụng phương án sản xuất "3 tại chỗ" từ ngày 23/8/2021 đến ngày 01/10/2021, nhằm ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh, do đó phát sinh thêm các chi phí vận hành. Nhìn chung, năm 2021 Công ty vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng tốt, hoàn thành vượt so với kế hoạch được giao. Ban Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như các ảnh hưởng đến tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 301 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 304 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, mức trích lập căn cứ cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí liên quan đến kho bãi như chi phí thuê đất, chi phí xây dựng kho bãi, chi phí lắp đặt thiết bị văn phòng và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí duy tu, nạo vét

Chi phí duy tu, nạo vét được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn 24 tháng.

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê.

Chi phí nội thất, chi phí hoàn thiện các hạng mục văn phòng

Chi phí nội thất, chi phí hoàn thiện các hạng mục văn phòng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn là 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 6 – 15 |
| Máy móc và thiết bị | 3 – 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 5 – 6 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 – 5 |
| Cây lâu năm | 2 |
| Tài sản cố định khác | 5 – 8 |

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất còn lại là 35 năm 9 tháng.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chi bao gồm thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 33.314.023 | 80.233.184 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 7.567.868.593 | 18.314.851.051 |
| Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) | 18.000.000.000 | 36.994.899.328 |
| Cộng | <u>25.601.182.616</u> | <u>55.389.983.563</u> |

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> |
| <i>Đầu tư vào công ty con</i> | <i>21.440.000.000</i> | - | <i>21.440.000.000</i> | - |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai | 21.440.000.000 | - | 21.440.000.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Đầu tư vào công ty liên kết | 97.120.000.000 | (7.331.953.587) | 97.120.000.000 | (8.043.823.265) |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành | 54.000.000.000 | - | 54.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng | 33.120.000.000 | (7.331.953.587) | 33.120.000.000 | (8.043.823.265) |
| Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn | 10.000.000.000 | - | 10.000.000.000 | - |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26.479.480.000 | - | 34.479.480.000 | - |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội | 14.666.980.000 | - | 14.666.980.000 | - |
| Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái | 11.812.500.000 | - | 11.812.500.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu | - | - | 1.600.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép | - | - | 6.400.000.000 | - |
| Cộng | 145.039.480.000 | (7.331.953.587) | 153.039.480.000 | (8.043.823.265) |

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

| Tên Công ty | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------|--------------|------------------|--------------|
| | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ sở hữu | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ sở hữu |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai | 2.295.200 | 51,00% | 2.295.200 | 51,00% |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành | 5.400.000 | 36,00% | 5.400.000 | 36,00% |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng | 3.312.000 | 36,00% | 3.312.000 | 36,00% |
| Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn | 1.000.000 | 20,00% | 1.000.000 | 20,00% |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (*) | 2.242.568 | - | 1.645.959 | - |
| Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái | 1.237.500 | 3,64% | 1.237.500 | 3,64% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu | - | - | 160.000 | 8,00% |
| Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép | - | - | 640.000 | 8,00% |

(*) Đây là khoản ủy thác đầu tư qua Công ty mẹ là Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. Số lượng cổ phần tăng trong năm do được trả cổ tức bằng cổ phiếu.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính, chi tiết như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------------|----------------|----------------|
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội | 64.810.215.200 | 37.857.057.000 |
| Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái | 41.456.250.000 | 38.362.500.000 |

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con và các công ty liên kết

Công ty con và các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 8.043.823.265 | - |
| Trích lập dự phòng bổ sung | - | 8.043.823.265 |
| Hoàn nhập dự phòng | (711.869.678) | - |
| Số cuối năm | 7.331.953.587 | 8.043.823.265 |

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------|------------------|
| <i>Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai</i> | | |
| Cung cấp dịch vụ cho công ty con | 2.129.892.557 | 3.052.773.318 |
| Sử dụng dịch vụ của công ty con cung cấp | 58.460.990.500 | 68.136.269.430 |
| Cổ tức được nhận từ công ty con | 918.080.000 | - |
| Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh | 1.849.805.733 | 2.475.367.882 |
| <i>Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành</i> | | |
| Công ty liên kết chia cổ tức | 11.880.000.000 | 11.880.000.000 |
| Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết | 4.735.577.325 | 6.115.723.585 |
| Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết | 263.281.125.762 | 221.618.900.040 |
| Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh | 7.399.222.938 | 9.901.471.531 |
| <i>Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng</i> | | |
| Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết | 3.148.992.000 | 4.109.405.391 |
| Công ty liên kết chia cổ tức | - | 3.968.000.000 |
| Nhận dịch vụ của công ty liên kết | 1.694.043.963 | - |
| <i>Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn</i> | | |
| Nhận dịch vụ của Công ty liên kết | 146.921.943.748 | 31.164.084.917 |
| Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết | 156.554.582 | 44.768.500 |

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------|------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | 189.057.878.018 | 119.076.296.484 |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 184.524.688.094 | 106.929.320.194 |
| Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng | 928.373.129 | 1.344.554.000 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng | 55.440.000 | 17.760.000 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước | 238.513.231 | 48.081.000 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng | 1.600.442.837 | 9.369.062.174 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu | 102.491.066 | 107.179.050 |
| Công ty TNHH Một thành viên Hoa Tiêu Tân Cảng | 132.268.007 | 7.792.400 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lục | 98.144.872 | 22.116.600 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng | 913.401.167 | 293.251.325 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng | 301.245.575 | 918.907.716 |
| Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn | 157.400.040 | 12.477.025 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng | 1.200.000 | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng | 4.270.000 | 5.795.000 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | 24.448.106.543 | 17.169.349.530 |
| Cộng | 213.505.984.561 | 136.245.646.014 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Phải thu khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các bên liên quan | | - | 3.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng - Phải thu cổ tức | | - | 3.000.000.000 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 2.577.396.191 | - | 4.753.010.416 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu - Vốn góp hợp tác kinh doanh | | - | 375.000.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Hiệp Huy Hoàng - Vốn góp hợp tác kinh doanh | 375.000.000 | - | - | - |
| Phải thu tiền hợp đồng nhà văn phòng | | - | 168.831.149 | - |
| Tạm ứng | 461.607.206 | - | 1.247.453.096 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 10.000.000 | - | 10.000.000 | - |
| Dự thu lãi tiền gửi | 1.628.334.247 | - | 2.514.006.500 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 102.454.738 | - | 437.719.671 | - |
| Cộng | 2.577.396.191 | - | 7.753.010.416 | - |

4b. Phải thu dài hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các bên liên quan | 231.000.000 | - | 231.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn - Đặt cọc thuê bãi | 231.000.000 | - | 231.000.000 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 21.451.134.400 | - | 21.451.134.400 | - |
| Đặt cọc cung cấp nước | 30.000.000 | - | 30.000.000 | - |
| Đặt cọc thuê văn phòng tòa nhà TCL | 2.000.000.000 | - | 2.000.000.000 | - |
| Đặt cọc sử dụng dịch vụ | 2.000.000.000 | - | 2.000.000.000 | - |
| Đặt cọc tiền thuê đất | 17.421.134.400 | - | 17.421.134.400 | - |
| Bà Bùi Thị Nở | 300.000.000 | - | 300.000.000 | - |
| Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hàng hải Hoàng Giang ⁽ⁱ⁾ | 15.000.000.000 | - | 15.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Vinaconnect ⁽ⁱⁱ⁾ | 2.121.134.400 | - | 2.121.134.400 | - |
| Cộng | 21.682.134.400 | - | 21.682.134.400 | - |

- (i) Là khoản đặt cọc tiền để thuê bãi của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hàng hải Hoàng Giang theo hợp đồng số 72/TCL-KHKD-2020 ngày 02 tháng 01 năm 2020, số tiền 15.000.000.000 VND. Thời hạn hợp đồng đến ngày 31 tháng 10 năm 2023, thời hạn hoàn trả tiền cọc sau khi thanh lý hợp đồng.
- (ii) Đặt cọc thuê mặt bằng cho công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Vinaconnect số tiền tương ứng với 03 tháng tiền thuê đất để sử dụng đất hợp pháp với lô đất A1 đường K1, KCN Cát Lái - Cụm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn thuê là 03 năm, từ 21 tháng 4 năm 2020. Khoản đặt cọc sẽ được căn trừ vào tiền thuê của 06 tháng cuối cùng của hợp đồng.

5. Hàng tồn kho

Là nguyên liệu, vật liệu tồn kho.

6. Chi phí trả trước

6a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là chi phí sử dụng phần mềm.

6b. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Thời gian phân bổ</u> | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nạo vét, duy tu bến gao và Tân Cảng Nhân Trạch | 24 tháng | 389.796.136 | 6.068.854.251 |
| Chi phí thuê đất Depot Tân Cảng Mỹ Thủy | 41 tháng | 2.926.829.269 | 4.523.281.597 |
| Chi phí thuê cơ sở hạ tầng Tân Cảng Nhơn Trạch | 96 tháng | 8.959.090.876 | 13.438.636.336 |
| Chi phí nội thất, chi phí hoàn thiện các hạng mục văn phòng | 36 tháng | 1.292.583.899 | 3.311.415.601 |
| Chi phí khác | | 3.564.999.925 | 3.459.509.191 |
| Cộng | | <u>17.133.300.105</u> | <u>30.801.696.976</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cây lâu năm | Tài sản cố định khác | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|-------------------|----------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | | |
| Số đầu năm | 261.188.623.805 | 541.544.102.956 | 8.532.588.238 | 2.886.644.599 | 80.000.000 | 1.828.755.629 | 816.060.715.227 |
| Mua trong năm | - | 46.335.000 | 867.560.000 | 50.900.000 | - | 156.500.000 | 1.121.295.000 |
| Số cuối năm | 261.188.623.805 | 541.590.437.956 | 9.400.148.238 | 2.937.544.599 | 80.000.000 | 1.985.255.629 | 817.182.010.227 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 7.059.074.306 | 181.468.285.502 | 5.671.724.601 | 2.056.113.590 | 80.000.000 | 103.082.902 | 196.438.280.901 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | | | |
| Số đầu năm | 84.687.222.484 | 428.127.254.785 | 7.193.596.401 | 2.218.762.083 | 80.000.000 | 532.833.769 | 522.839.669.522 |
| Khấu hao trong năm | 11.613.346.354 | 13.604.114.349 | 483.029.672 | 423.823.013 | - | 278.242.771 | 26.402.556.159 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - | - | - | - |
| Số cuối năm | 96.300.568.838 | 441.731.369.134 | 7.676.626.073 | 2.642.585.096 | 80.000.000 | 811.076.540 | 549.242.225.681 |
| Giá trị còn lại | | | | | | | |
| Số đầu năm | 176.501.401.321 | 113.416.848.171 | 1.338.991.837 | 667.882.516 | - | 1.295.921.860 | 293.221.045.705 |
| Số cuối năm | 164.888.054.967 | 99.859.068.822 | 1.723.522.165 | 294.959.503 | - | 1.174.179.089 | 267.939.784.546 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 99.064.591.986 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – chi nhánh Sài Gòn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

| | Quyền sử dụng đất (*) | Chương trình phần mềm máy tính | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------------|---------------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 27.991.682.391 | 580.229.000 | 28.571.911.391 |
| Số cuối năm | 27.991.682.391 | 580.229.000 | 28.571.911.391 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 580.229.000 | 580.229.000 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 3.116.720.915 | 548.869.427 | 3.665.590.342 |
| Khấu hao trong năm | 705.672.660 | 31.359.573 | 737.032.233 |
| Số cuối năm | 3.822.393.575 | 580.229.000 | 4.402.622.575 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 24.874.961.476 | 31.359.573 | 24.906.321.049 |
| Số cuối năm | 24.169.288.816 | - | 24.169.288.816 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

(*) Là quyền sử dụng đất tại phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 2; thời hạn sử dụng đến ngày 30 tháng 8 năm 2055. Quyền sử dụng đất này đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

9. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 135.514.534.336 | 96.129.523.649 |
| Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng | - | 485.100 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng | 239.405.500 | 2.515.373.800 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng | 2.183.314.000 | 3.234.079.013 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng | 7.271.464.486 | 5.202.970.806 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành | 82.699.963.649 | 57.486.287.823 |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng | 297.818.360 | 211.798.700 |
| Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC | - | 65.000.000 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng | 6.224.919.547 | 3.256.294.054 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực | 7.326.290 | 617.178.320 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai | 10.432.276.573 | 13.813.761.517 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu | - | 112.995.300 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước | - | 14.952.198 |
| Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM | 8.712.000 | 2.388.000 |
| Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn | 26.134.333.931 | 9.595.959.018 |
| Công ty Cổ phần Bay và Du lịch Biển Tân Cảng | 15.000.000 | - |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 29.795.147.598 | 7.505.921.367 |
| Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hàng hải Hoàng Giang | 189.362.556 | 33.548.640.462 |
| Các nhà cung cấp khác | 29.605.785.042 | 33.957.280.905 |
| Cộng | 165.309.681.934 | 163.635.445.016 |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã thực nộp trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--|----------------------|------------------------------|---------------------------------|-----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | 32.052.371.743 | (32.052.371.743) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 7.604.444.433 | 26.450.032.954 | (22.823.793.830) | 11.230.683.557 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ bên liên doanh | 1.664.776.795 | 2.339.882.169 | (4.004.658.964) | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 295.025.039 | 6.192.818.131 | (6.329.190.226) | 158.652.944 |
| Thuế môn bài | - | 3.000.000 | (3.000.000) | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 148.822.105 | (91.420.877) | 57.401.228 |
| Cộng | 9.564.246.267 | 67.186.927.102 | (65.304.435.640) | 11.446.737.729 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho tiền bán nước là 5%, dịch vụ khác là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------|------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 137.943.815.591 | 124.896.462.941 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | 7.560.378.707 | (288.654.713) |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 8.032.968.948 | 1.133.038.841 |
| <i>Các khoản chi phí không hợp lệ</i> | <i>4.017.013.153</i> | <i>1.133.031.000</i> |
| <i>Lỗ CLTG đánh giá lại tiền cuối năm nay</i> | <i>21.562</i> | <i>7.841</i> |
| <i>Các khoản chi phí trích trước chưa có hóa đơn</i> | <i>4.015.934.233</i> | - |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (472.590.241) | (1.421.693.554) |
| <i>Điều chỉnh giảm các khoản chi phí trích trước đã nộp thuế trong năm 2020</i> | <i>(472.582.400)</i> | - |
| <i>Điều chỉnh giảm các khoản chi phí trích trước đã nộp thuế trong năm 2019</i> | - | <i>(1.421.688.000)</i> |
| <i>Lỗ CLTG đánh giá lại tiền cuối năm trước đã thực hiện trong năm nay</i> | <i>(7.841)</i> | <i>(5.554)</i> |
| Thu nhập chịu thuế | 145.504.194.298 | 124.607.808.228 |
| Thu nhập được miễn thuế | (15.520.580.000) | (18.570.500.000) |
| Thu nhập tính thuế | 129.983.614.298 | 106.037.308.228 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 25.996.722.860 | 21.207.461.646 |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước | 453.310.094 | - |
| Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | 26.450.032.954 | 21.207.461.646 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

11. Chi phí phải trả

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|--------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 1.881.932.853 | 472.582.400 |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 1.881.932.853 | 472.582.400 |
| - Chi phí sử dụng đất quốc phòng | 472.582.400 | 472.582.400 |
| - Chi phí nâng hạ, vận chuyển | 1.409.350.453 | - |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 2.178.014.037 | 60.832.983 |
| Chi phí xếp dỡ, lưu bãi | 2.134.001.380 | - |
| Chi phí lãi vay phải trả | 44.012.657 | 60.832.983 |
| Cộng | 4.059.946.890 | 533.415.383 |

12. Phải trả khác**12a. Phải trả ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 18.387.176.735 | 20.291.334.674 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành ⁽ⁱ⁾ | 13.399.222.938 | 15.901.471.531 |
| - Vốn góp hợp tác kinh doanh | 6.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| - Phải trả lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh | 7.399.222.938 | 9.901.471.531 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai ⁽ⁱ⁾ | 3.349.805.733 | 3.975.367.883 |
| - Vốn góp hợp tác kinh doanh | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 |
| - Phải trả lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh | 1.849.805.733 | 2.475.367.883 |
| Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng - Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh ⁽ⁱⁱ⁾ | 1.638.148.064 | 414.495.260 |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 10.281.867.144 | 8.423.169.441 |
| Kinh phí công đoàn | 393.563.640 | 356.091.442 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 768.949.705 | 803.519.461 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 2.947.763.190 | 2.479.743.190 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One - Lợi nhuận từ Hợp tác kinh doanh | 646.937.416 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu | - | 1.161.436.784 |
| Công ty TNHH Một thành viên Hiệp Huy Hoàng - Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 4.138.019.888 | 2.617.389.836 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 1.386.633.305 | 1.004.988.728 |
| Cộng | 28.669.043.879 | 28.714.504.115 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12b. Phải trả dài hạn khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 20.750.000.000 | 20.750.000.000 |
| Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng – Vốn góp hợp tác kinh doanh ⁽ⁱ⁾ | 18.750.000.000 | 18.750.000.000 |
| Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng – Đặt cọc tiền thuê văn phòng | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 17.018.090.504 | 16.468.090.504 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One - Vốn góp hợp tác kinh doanh ⁽ⁱⁱ⁾ | 12.500.000.000 | 12.500.000.000 |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 4.518.090.504 | 3.968.090.504 |
| Cộng | 37.768.090.504 | 37.218.090.504 |

Thông tin bổ sung về các hợp đồng hợp tác kinh doanh:

- (i) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 490/HĐ-GNVT-KHKD ngày 30 tháng 5 năm 2014, Biên bản thỏa thuận tăng vốn ngày 25 tháng 5 năm 2016 và các thỏa thuận bổ sung về hợp tác kinh doanh khai thác bãi Container và các dịch vụ liên quan đến xếp dỡ container hàng imo, cont tank tại Depot 6 – Cảng Cát Lái, 3 bên tham gia gồm: Công ty góp 7.500.000.000 VND tương đương 50%; Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành góp 6.000.000.000 VND tương đương 40%; Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai góp 1.500.000.000 VND, tương đương 10%. Thời hạn hợp tác được tự động gia hạn theo thời hạn thuê bãi hàng năm.
- (ii) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 612/2015/TCL-HT-TT ngày 26 tháng 10 năm 2015 và Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 10 tháng 01 năm 2017 về việc hợp tác kinh doanh để thực hiện dự án “nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư xây dựng, khai thác tòa nhà văn phòng làm việc” tại phường Mỹ Thạnh Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, 3 bên tham gia gồm: Công ty góp 50%; Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng góp 30% và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One (nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Thủ Thiêm) góp 20% tổng vốn đầu tư của dự án. Công ty là bên đại diện cho hợp doanh. Thời hạn của hợp đồng là 50 năm.
- (iii) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 399/HĐ-TCL-KHKD ngày 01 tháng 10 năm 2020 về hợp tác khai thác bãi container và các dịch vụ liên quan đến container của hãng tàu ONE và KMTTC tại Depot Tân Cảng Mỹ Thủy thuộc Khu công nghiệp Cát Lái 2, 2 bên tham gia gồm: Công ty (bên B) và Công ty TNHH Một thành viên Hiệp Huy Hoàng (Bên A). Trong đó, Bên A là bên đại diện hợp doanh, Bên B là bên quản lý, điều hành hoạt động của hợp doanh và được trả phí. Tổng vốn hoạt động là 1.500.000.000 VND, trong đó, Bên A góp 1.125.000.000 VND (75%), Bên B góp 375.000.000 VND (25%). Công ty là bên quản lý, điều hành hoạt động của hợp doanh, chịu trách nhiệm xuất hóa đơn và thu tiền từ khách hàng, sau đó chuyển trả lại Bên A phần phân chia cho hợp doanh (được xác định theo tỷ lệ % tiền thu từ khách hàng tùy theo từng loại dịch vụ). Thời hạn hợp đồng đến 01/10/2021 sẽ tự động gia hạn nếu không có điều chỉnh, bổ sung trước ngày hết hạn hợp đồng.

12c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Vay

13a. Vay ngắn hạn

Vay ngắn hạn chỉ bao gồm vay dài hạn đến hạn trả các ngân hàng (xem thuyết minh số V.13b).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | 7.249.712.000 | 6.442.000.000 |
| Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | 7.249.712.000 | 7.249.712.000 |
| Số tiền vay đã trả | (7.249.712.000) | (6.442.000.000) |
| Số cuối năm | <u>7.249.712.000</u> | <u>7.249.712.000</u> |

13b. Vay dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng ngày 24/01/2018, để đầu tư dự án: "Nhận quyền chuyển nhượng QSDĐ và Đầu tư xây dựng khai thác tòa nhà làm việc" tại lô 11, khu dân cư số 1, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn khoản vay đến ngày 27 tháng 03 năm 2026. Các khoản vay phải hoàn trả theo 28 lần hoàn trả bằng nhau vào mỗi quý bắt đầu vào tháng thứ 15 kể từ ngày rút vốn lần đầu. Lãi suất thả nổi, được xác định thời điểm giải ngân.. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và công trình hình thành trên đất tại thửa đất số 471, tờ bản đồ số 22, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Lãi suất áp dụng trong năm 2021 là 8,69%.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------|------------------------------|------------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 7.249.712.000 | 7.249.712.000 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 23.560.836.252 | 28.998.848.000 |
| Trên 5 năm | - | 1.811.700.252 |
| Cộng | <u>30.810.548.252</u> | <u>38.060.260.252</u> |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 30.810.548.252 | 33.821.273.670 |
| Số tiền vay phát sinh | - | 8.448.343.138 |
| Số tiền vay đã trả | - | (4.209.356.556) |
| Kết chuyển sang vay ngắn hạn | (7.249.712.000) | (7.249.712.000) |
| Số cuối năm | <u>23.560.836.252</u> | <u>30.810.548.252</u> |

13c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

| | Số đầu năm | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Tăng khác (*) | Chi quỹ trong năm | Số cuối năm |
|-----------------------------------|-----------------------|--------------------------------|--------------------|-------------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 6.171.638.177 | 9.746.326.974 | 139.000.000 | (14.074.266.210) | 1.982.698.941 |
| Quỹ phúc lợi | 4.412.982.574 | 9.746.326.974 | - | (10.380.672.190) | 3.778.637.358 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 550.000.000 | 550.000.000 | - | (550.000.000) | 550.000.000 |
| Cộng | 11.134.620.751 | 20.042.653.948 | 139.000.000 | (25.004.938.400) | 6.311.336.299 |

(*) Là khoản tiền khen thưởng từ đơn vị khác.

15. Vốn chủ sở hữu**15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--|---------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| <i>Năm trước</i> | | | | | |
| Số dư đầu năm | 301.584.360.000 | 20.712.126.338 | 36.527.395.906 | 367.630.243.073 | 726.454.125.317 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | 103.689.001.295 | 103.689.001.295 |
| Trích các quỹ từ lợi nhuận trong năm | - | - | 10.368.900.130 | (38.226.189.702) | (27.857.289.572) |
| Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước | - | - | - | (211.109.052.000) | (211.109.052.000) |
| Trích thưởng Ban quản trị hợp doanh từ lợi nhuận trong năm | - | - | - | (100.000.000) | (100.000.000) |
| Số dư cuối năm | 301.584.360.000 | 20.712.126.338 | 46.896.296.036 | 221.884.002.666 | 591.076.785.040 |
| <i>Năm nay</i> | | | | | |
| Số dư đầu năm | 301.584.360.000 | 20.712.126.338 | 46.896.296.036 | 221.884.002.666 | 591.076.785.040 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | 111.493.782.637 | 111.493.782.637 |
| Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước | - | - | - | (150.792.180.000) | (150.792.180.000) |
| Trích các quỹ từ lợi nhuận trong năm | - | - | 33.448.134.791 | (53.490.788.739) | (20.042.653.948) |
| Trích thưởng Ban quản trị hợp doanh từ lợi nhuận trong năm | - | - | - | (100.000.000) | (100.000.000) |
| Số dư cuối năm | 301.584.360.000 | 20.712.126.338 | 80.344.430.827 | 128.994.816.564 | 531.635.733.729 |

15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 153.812.730.000 | 153.812.730.000 |
| Các cổ đông khác | 147.771.630.000 | 147.771.630.000 |
| Cộng | 301.584.360.000 | 301.584.360.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15c. Cổ phiếu**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành | 30.158.436 | 30.158.436 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành | 30.158.436 | 30.158.436 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại | - | - |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 30.158.436 | 30.158.436 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

15d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 291/NQ-ĐHĐCĐTN 2021 ngày 15 tháng 6 năm 2021:

VND

Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước

- Chia cổ tức cho các cổ đông : 150.792.180.000

Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế trong năm nay

- Trích quỹ đầu tư phát triển (30% LNST) : 33.448.134.791
- Trích quỹ khen thưởng (12,5% quỹ lương thực hiện của NLD) : 9.746.326.974
- Trích quỹ phúc lợi (12,5% quỹ lương thực hiện của NLD) : 9.746.326.974
- Trích quỹ Ban điều hành : 550.000.000
- Trích thưởng Ban quản trị hợp doanh : 100.000.000

16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 65,34 USD (số đầu năm là 65,34 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Doanh thu dịch vụ vận tải, xếp dỡ | 307.765.701.159 | 269.479.814.150 |
| Doanh thu dịch vụ Depot | 766.900.008.683 | 625.972.570.452 |
| Doanh thu dịch vụ khác | 78.565.174.080 | 169.191.910.563 |
| Cộng | <u>1.153.230.883.922</u> | <u>1.064.644.295.165</u> |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------|------------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 690.931.132.222 | 681.188.538.636 |
| Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng | 2.522.325.181 | 2.797.309.362 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng | 2.867.047.672 | 1.803.857.574 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng | 379.594.544 | 292.718.183 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng | 3.866.000 | 133.307.272 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu | 762.465.376 | 760.311.500 |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng | - | 446.945.815 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực | 311.004.122 | 49.383.000 |
| Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng - Hiệp Phước | 332.613.698 | 129.186.363 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng | 2.631.666.419 | 1.863.430.074 |
| Công ty Cổ phần M&R Tân Cảng | - | 86.925.098 |
| Công ty TNHH Mọi thành viên Hoa Tiêu Tân Cảng | 2.372.632.143 | 5.142.805.150 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép | 15.163.636 | 14.463.636 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng | 6.654.545 | 16.913.636 |
| Công ty Cổ phần Texhong Tiếp vận Tân Cảng | 18.372.727 | - |
| 2. Giá vốn hàng bán | | |
| Là giá vốn của dịch vụ đã cung cấp. | | |
| 3. Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 7.239.214.627 | 13.789.103.209 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 15.520.580.000 | 18.570.500.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | - | 653 |
| Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác | 38.371.818 | - |
| Cộng | <u>22.798.166.445</u> | <u>32.359.603.862</u> |
| 4. Chi phí tài chính | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chi phí lãi vay | 1.532.404.369 | 1.996.621.890 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 21.562 | 7.841 |
| Dự phòng/hoàn nhập tổn thất đầu tư | (711.869.678) | 8.043.823.265 |
| Cộng | <u>820.556.253</u> | <u>10.040.452.996</u> |
| 5. Chi phí bán hàng | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chi phí hoa hồng | 19.265.805.127 | 7.379.967.303 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.528.940.000 | 1.332.002.930 |
| Các chi phí khác | 3.098.371.000 | 2.166.657.540 |
| Cộng | <u>24.893.116.127</u> | <u>10.878.627.773</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 31.114.105.223 | 28.302.845.800 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 2.154.377.804 | 2.474.869.950 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 787.425.089 | 923.509.797 |
| Thuế, phí và lệ phí | 114.004.838 | 176.613.151 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 7.418.119.781 | 8.511.381.317 |
| Các chi phí khác | 14.463.734.693 | 13.213.510.800 |
| Cộng | <u>56.051.767.428</u> | <u>53.602.730.815</u> |

7. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 43.677.822.122 | 37.361.439.494 |
| Chi phí nhân công | 90.179.399.369 | 82.472.235.989 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định ⁽ⁱ⁾ | 25.675.843.884 | 48.599.975.708 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài ⁽ⁱⁱ⁾ | 834.919.024.346 | 764.332.848.583 |
| Chi phí khác | 42.626.796.218 | 29.918.852.288 |
| Cộng | <u>1.037.078.885.939</u> | <u>962.685.352.062</u> |

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| (i) Tổng số khấu hao đã trích trong năm (<i>thuyết minh V.9, V.10</i>): | 27.139.498.398 | 50.107.729.992 |
| Khấu hao phân chia các bên hợp tác kinh doanh | (1.463.654.514) | (1.507.754.284) |
| Chi phí khấu hao của Công ty | <u>25.675.843.884</u> | <u>48.599.975.708</u> |

(ii) Chi phí dịch vụ mua ngoài tăng chủ yếu do chi phí sửa chữa và chi phí dịch vụ tại Depot.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty đã trả cổ tức cho Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn thông qua việc bù trừ công nợ, số tiền 76.906.365.000 VND (số năm trước 107.668.911.000 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | <u>Tiền lương</u> | <u>Thưởng</u> | <u>Thù lao</u> | <u>Cộng thu nhập</u> |
|---|----------------------|--------------------|--------------------|----------------------|
| Năm nay | | | | |
| Lê Hoàng Linh - Chủ tịch HĐQT | 996.883.854 | 41.111.145 | 96.000.000 | 1.133.994.999 |
| Võ Đắc Thiệu - Ủy viên HĐQT | - | 45.306.160 | 60.000.000 | 105.306.160 |
| Nguyễn Xuân Bình - Ủy viên HĐQT | | 45.306.160 | 60.000.000 | 105.306.160 |
| Hoàng Đức Thịnh - Ủy viên HĐQT (từ tháng 6/2021) | - | - | 30.000.000 | 30.000.000 |
| Lê Văn Cường- Ủy viên HĐQT/ Giám đốc | 939.261.229 | 60.408.213 | 60.000.000 | 1.059.669.442 |
| Nguyễn Văn Uẩn- Phó Chủ tịch HĐQT (đến tháng 6/2021) | 155.576.937 | 60.408.212 | 39.000.000 | 254.985.149 |
| Vũ Thị Lan Anh – Trưởng BKS (đến tháng 6/2021) | - | 45.306.160 | 30.000.000 | 75.306.160 |
| Phạm Văn Phương – Trưởng BKS (từ tháng 6/2021) | - | - | 30.000.000 | 30.000.000 |
| Phạm Kim Oanh – Thành viên BKS (đến tháng 6/2021) | - | 30.204.107 | 15.000.000 | 45.204.107 |
| Lê Thị Kim Chung – Thành viên BKS (từ tháng 6/2021) | - | - | 15.000.000 | 15.000.000 |
| Nguyễn Thị Nhu – Thành viên BKS | 548.940.290 | 30.204.107 | 30.000.000 | 609.144.397 |
| Đặng Thanh Sơn – Phó Giám đốc | 756.070.229 | 45.306.160 | - | 801.376.389 |
| Phạm Văn Hùng– Phó Giám đốc | 818.727.763 | 45.306.160 | - | 864.033.923 |
| Châu Thanh Hải– Phó Giám đốc (từ tháng 2/2021) | 445.538.195 | - | - | 445.538.195 |
| Nguyễn Văn Hòa– Phó Giám đốc (từ tháng 12/2021) | 6.978.505 | - | - | 6.978.505 |
| Phạm Thị Thu Hà – Kế toán trưởng | 582.916.104 | 30.204.107 | - | 613.120.211 |
| Cộng | 5.250.893.107 | 479.070.691 | 465.000.000 | 6.194.963.798 |
| Năm trước | | | | |
| Lê Hoàng Linh - Chủ tịch HĐQT (từ tháng 5/2020) | 331.721.335 | - | 56.000.000 | 387.721.335 |
| Ngô Minh Thuận - Chủ tịch HĐQT (đến tháng 5/2020) | - | 66.135.747 | 40.000.000 | 106.135.747 |
| Nguyễn Văn Uẩn- Phó Chủ tịch HĐQT /Giám đốc (đến tháng 2/2020) | 701.326.047 | 66.135.747 | 78.000.000 | 845.461.794 |
| Võ Đắc Thiệu - Ủy viên HĐQT | - | 42.515.837 | 60.000.000 | 102.515.837 |
| Nguyễn Xuân Bình - Ủy viên HĐQT | - | 42.515.837 | 60.000.000 | 102.515.837 |
| Lê Văn Cường- Ủy viên HĐQT/ Giám đốc (từ tháng 2/2020) | 695.576.678 | 42.515.837 | 60.000.000 | 798.092.515 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | | |
| Sử dụng dịch vụ của Công ty mẹ | 11.435.894.024 | 15.897.855.620 |
| Cổ tức trả cho Công ty mẹ | 76.906.365.000 | 107.668.911.000 |
| Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái | | |
| Cổ tức được chia | 2.722.500.000 | 2.722.500.000 |
| Sử dụng dịch vụ do các đơn vị cung cấp: | | |
| Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng | 6.083.206.366 | 12.207.257.636 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng | 9.805.481.700 | 10.408.834.222 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng | 27.349.043.299 | 25.052.359.313 |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng | 1.210.821.100 | 1.885.126.300 |
| Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng – STC | 70.892.955 | 133.650.000 |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng | - | 715.753.964 |
| Công ty Cổ phần M&R Tân Cảng | - | 783.365.370 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh | 2.860.545 | 1.939.091 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu | 251.218.000 | 347.674.000 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước | 111.429.456 | 745.123.455 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực | 1.981.502.642 | 1.186.124.600 |
| Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng | 41.994.454 | 84.574.273 |
| Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM | 62.032.728 | 79.129.092 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng | 30.084.176.260 | 15.127.894.942 |
| Công ty Cổ phần Bay và Du lịch Biển Tân Cảng | 216.727.279 | - |

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.9, V.11 và V.12.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận tải giao nhận xếp dỡ, thực hiện trên địa bàn khu vực Đồng Nai, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý địa lý.

5-002
 LÃNH
 TỶ
 HỮU
 TÀI
 C
 HÀ NỘI
 TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



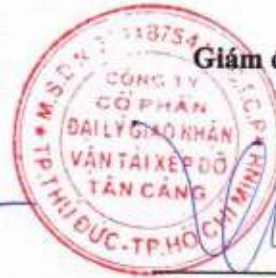
Nguyễn Xuân Tân

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thu Hà

Giám đốc



Lê Văn Cường

